

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I : NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KÊ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1.Vai trò nhiệm vụ của kế toán đối với quá trình xác định doanh thu và kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp.	3
1.1.1. Vai trò của kế toán đối với quá trình xác định doanh thu và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	4
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.	4
1.1.3. Yêu cầu quản lý, ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả bán hàng.....	5
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp	7
1.2.1. Khái niệm doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu.	9
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán :.....	16
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	18
1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	20
1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:	22
1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	23
1.3.1. Khái niệm về kết quả kinh doanh.....	23
1.3.2. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	24
1.3.3. Tài khoản và Chứng từ sử dụng.	25
CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO.....	26
2.1.Giới thiệu khái quát về Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO	26

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco.....	26
2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty.....	28
1. Hình thức sở hữu vốn.....	28
2. Chức năng, nhiệm vụ tổ chức kinh doanh.....	28
3. Thuận lợi và khó khăn.....	29
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý công ty.....	29
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	31
2.1.4.1. Mô hình bộ máy kế toán của tập đoàn HAPACO.....	31
2.1.4.2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng.....	33
2.2. Tình hình thực tế về tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.....	36
2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại doanh nghiệp.....	36
2.2.1.1. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu.....	36
2.2.1.2. Tài khoản và chứng từ sử dụng sử dụng:.....	37
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán của doanh nghiệp.....	50
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	60
2.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng.....	60
2.2.3.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	65
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	70
2.2.4.1. Kế toán doanh thu tài chính.....	70
2.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính.....	74
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	75
2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.....	78

CHƯƠNG III : MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO	89
3.1. Quan điểm định hướng và yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh	89
3.1.1. Quan điểm định hướng.....	89
3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	91
3.2. Các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO	93
3.2.1. Nhận xét chung.....	93
3.2.2. Những mặt còn hạn chế.....	95
3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO	96
Kết luận	99
Danh mục phụ lục	
Tài liệu tham khảo	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kế toán được coi là ngôn ngữ kinh doanh, là phương tiện giao tiếp giữa doanh nghiệp với các đối tượng liên quan đến doanh nghiệp. Kế toán cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính hữu ích cho các đối tượng trong việc ra quyết định kinh tế hợp lý và hiệu quả. Trong những năm gần đây, xu hướng toàn cầu hoá, hợp tác và phát triển các loại hình doanh nghiệp ở nước ta khá đa dạng và phong phú đã cho phép nhiều nhà đầu tư hoạt động. Đòi hỏi thông tin kế toán phải trung thực, lành mạnh đáng tin cậy nhằm giúp người sử dụng thông tin kế toán đưa ra những quyết định đúng đắn trong tương lai.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp luôn quan tâm đến chi phí bỏ ra, doanh thu thực hiện được và tối đa hoá lợi nhuận thu được .

Đứng trước xu thế mở cửa hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế, sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp chịu tác động của nhiều yếu tố đòi hỏi công tác kế toán của doanh nghiệp phải có sự điều chỉnh thường xuyên, phù hợp với yêu cầu của thị trường có sự tham gia của các công ty nước ngoài công ty đa quốc gia. Một trong các biện pháp đó chính là tổ chức thực hiện tốt công tác kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Xuất phát từ nhận định trên, qua thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Tập đoàn HAPACO, kết hợp với kiến thức đã học tập và nghiên cứu tại nhà trường, đồng thời với sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô giáo - đặc biệt là TS.Văn Bá Thanh các cán bộ nhân viên phòng kế toán công ty, em đã hoàn thành chuyên đề với đề tài: "*Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO*".

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Trình bày có hệ thống, có phân tích những vấn đề chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp, thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

- Trên cơ sở hệ thống hoá , phân tích những vấn đề chung và nghiên cứu khảo sát thực tế về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hapaco nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: những vấn đề lý luận chung và thực tiễn về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

- Phạm vi nghiên cứu : kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (số liệu tại tổng công ty và công ty thành viên HAPACO Hải Âu)

4. Ý nghĩa khoa học thực tiễn của đề tài

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp theo các chuẩn mực kế toán và luật kế toán Việt Nam.

- Khảo sát thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO. Phân tích ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo luận văn được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hapaco.

Chương 3 : Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hapaco.

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH DOANH THU VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP.

Với nền kinh tế thị trường hiện nay, điều mà bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn là đạt được tối đa hoá về lợi nhuận, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí, phần lớn trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế giá trị gia tăng và thuế xuất khẩu nếu có

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mỗi doanh nghiệp. Toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp là nhằm mục đích này. Dựa trên doanh thu kết hợp với chi phí và một số khoản khác kế toán sẽ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Như vậy, hạch toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có mối quan hệ mật thiết với nhau. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp, còn doanh thu là điều kiện cần và đủ để thực hiện mục đích đó.

1.1.1. Vai trò của kế toán đối với quá trình xác định doanh thu và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Đối với một doanh nghiệp, tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh sẽ tạo điều kiện tốt cho sự phát triển của doanh nghiệp, từng bước hạn chế những sai sót trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Đồng thời nó còn giúp cho nhà quản lý trong việc hoạch định chiến lược sản xuất và lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Từ những số liệu do kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cung cấp, nhà quản lý có thể đánh giá được mức độ hoàn thành kế hoạch về sản xuất, tình hình tiêu thụ của sản phẩm, tình hình kinh doanh và doanh thu đạt được. Dựa vào đó, doanh nghiệp ra những biện pháp tối ưu đảm bảo sự duy trì sự cân đối thường xuyên giữa các yếu tố trong doanh nghiệp.

Có thể thấy rằng kế toán không chỉ là công cụ của người quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, mà còn là phương tiện kiểm tra giám sát của những người chủ sở hữu doanh nghiệp, những người có quan hệ kinh tế, lợi ích ở doanh nghiệp như: các nhà đầu tư, người cho vay, bạn hàng Với những số liệu của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh họ có thể biết được tình hình của doanh nghiệp để từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn .

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh là một lĩnh vực khó khăn phức tạp đòi hỏi các nhà quản trị phải biết phối hợp đồng bộ và sử dụng hiệu quả các công cụ quản lý trong đó có công cụ kế toán. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay vai trò của công cụ kế toán lại càng được khẳng định đặc biệt kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là nhân tố có ảnh hưởng trực tiếp, quyết định tới hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Để tăng cường công tác chỉ đạo, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ cơ

bản sau :

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với hoạt động bán hàng, thu nhập và phân phối kết quả kinh doanh

1.1.3. Yêu cầu quản lý, ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả bán hàng

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá rủi ro); và lợi nhuận là thước đo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hay nói cách khác, doanh thu, lợi nhuận là các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần kiểm tra doanh thu, phải biết kinh doanh mặt hàng nào, mở rộng sản phẩm nào, hạn chế sản phẩm nào để có thể đạt được kết quả cao nhất

Trong điều kiện xu hướng khu vực hóa, toàn cầu hóa, tự do thương mại, tự do cạnh tranh làm cho sự khác biệt giữa thị trường trong nước và ngoài nước ngày càng mờ nhạt, điều đó vừa tạo ra cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ nhưng lại đặt ra cho các doanh nghiệp trong nước thử thách lớn hơn do đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều và mạnh. Đứng trước tình hình này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải lựa chọn cho mình chính xác sản phẩm, chính sách tiêu thụ đúng đắn nhằm đáp ứng

yêu cầu đa dạng của thị trường để tăng hiệu quả kinh doanh, do vậy yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đối với quá trình bán hàng ngày càng trở nên khẩn trương và tuân theo các yêu cầu quản lý cơ bản sau:

- Quản lý sự vận động và số liệu hiện có của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị của chúng.
- Quản lý chất lượng, cải tiến mẫu mã và xây dựng thương hiệu sản phẩm là mục tiêu cho sự phát triển và bền vững của doanh nghiệp.
- Tìm hiểu, khai thác và mở rộng thị trường, áp dụng các phương thức bán hàng phù hợp và có các chính sách sau bán hàng “hậu mãi” nhằm không ngừng tăng doanh thu, giảm chi phí của các hoạt động .
- Quản lý chặt chẽ các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí hoạt động khác nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền thu được từ việc doanh nghiệp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng không bao gồm phần thuế GTGT. Đối với Doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được từ việc Doanh nghiệp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã bao gồm phần thuế GTGT

- Doanh thu thuần về bán hàng là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu (Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Giá vốn hàng bán: Bao gồm trị giá mua của hàng xuất kho để bán và chi phí thu mua phân bổ cho hàng xuất kho để bán.

- Chi phí bán hàng: Là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình bán hàng. Nó bao gồm chi phí bao gói, chi phí bảo quản hàng hoá, chi phí vận chuyển, tiếp thị, quảng cáo, . . .

- Chi phí quản lý Doanh nghiệp: Là các khoản chi phí cho quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là một chỉ tiêu quan trọng, là một phần quan trọng trong tổng lợi nhuận của Doanh nghiệp. Nó phản ánh hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp trong kỳ có hiệu quả hay không

Như vậy, hệ thống kế toán nói chung và kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được những thông tin cần thiết giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất. Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, kế toán xác định và phân phối kết quả một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, các cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế... để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế...

1.2.TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.

1.2.1. Khái niệm doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

a. Khái niệm

Doanh thu là tổng trị giá các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch, sự kiện được xác định bởi thoả thuận giữa doanh nghiệp với bên mua và bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi được trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu

thu đặc biệt

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn những điều kiện sau:

1. Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng 1 giao dịch phía được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính
2. Những rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên mua
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
4. DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
5. Quyền quản lý hàng hoá và quyền kiểm soát hàng hoá được chuyển giao cho người mua
6. Chi phí giao dịch được tính toán tin cậy

Doanh thu đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đóng vai trò trong việc bù đắp chi phí, doanh thu bán hàng phản ánh qui mô của quá trình sản xuất, phản ánh trình độ tổ chức chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chúng tỏ sản phẩm của doanh nghiệp được người tiêu dùng chấp nhận.

b. Các loại doanh thu trong các doanh nghiệp

Dựa vào phương thức bán hàng doanh thu được phân thành :

- + Doanh thu bán hàng thu bằng tiền mặt
- + Doanh thu bán hàng chịu
- + Doanh thu bán hàng qua các đại lý
- + Doanh thu bán hàng trả chậm

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp xác lập số tiền thu được trong kỳ, cung cấp thông tin cho công tác phân tích công nợ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Dựa vào nội dung hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp doanh thu được phân thành 3 loại :

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + Doanh thu hoạt động tài chính

+ Thu nhập khác

Trong báo cáo tài chính thì hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính được gọi chung là hoạt động kinh doanh. Với cách phân loại này, kế toán mới có thể xác định được doanh thu, thu nhập và kết quả theo từng hoạt động, đánh giá được hiệu quả kinh tế của từng hoạt động

1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. 1. Doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

Doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền bán sản phẩm, hàng hóa, tiền cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Số tiền bán hàng được ghi trên Hoá đơn (GTGT), Hóa đơn bán hàng, hoặc trên các chứng từ khác có liên quan tới việc bán hàng, hoặc giá thỏa thuận giữa người mua và người bán.

*** Các phương thức bán hàng**

- *Phương thức gửi hàng (bán hàng qua đại lý).*

Định kỳ doanh nghiệp sẽ gửi hàng cho khách hàng của mình theo những thỏa thuận trong hợp đồng giữa 2 bên. Khi hàng hoá, sản phẩm xuất kho thì vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới được coi là đã tiêu thụ và mới được ghi nhận doanh thu.

Phương thức này áp dụng chủ yếu dưới hình thức bán hàng thông qua đại lý nên còn được gọi là phương pháp bán hàng qua đại lý.

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho. Hàng hoá được coi là bán và được ghi nhận doanh thu khi chúng được chuyển giao cho người mua và mọi thủ tục mua bán đã được hoàn thành.

- *Phương thức hàng đổi hàng:*

Là phương thức tiêu thụ mà hàng đó người bán đem sản phẩm của mình để đổi lấy sản phẩm của người mua. Giá trao đổi là giá bán của sản phẩm đó trên thị trường. Doanh thu được ghi nhận khi người mua chấp nhận đổi hàng.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ:*

Là việc bán hàng hoá cho các đối tượng khách hàng là các đơn vị thành viên, các đơn vị trực thuộc trong cùng hệ thống của tổng công ty hoặc trong cùng hệ thống của một đơn vị độc lập. Bán hàng nội bộ còn bao gồm các trường hợp sau:

- + DN trả lương cho công nhân viên bằng sản phẩm hàng hoá.
- + DN sử dụng nội bộ sản phẩm hàng hoá.
- + DN sử dụng sản phẩm hàng hoá để biếu tặng.

*** Các khoản giảm trừ doanh thu**

1. Chiết khấu thương mại :

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên "Hóa đơn GTGT" hoặc "Hóa đơn bán hàng" lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại

2. Hàng bán bị trả lại :

Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

3. Giảm giá hàng bán :

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng.

4. Thuế GTGT, thuế xuất khẩu

Thuế GTGT, Xuất khẩu là những khoản thuế gián thu, tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này do đối tượng tiêu dùng hàng hoá dịch vụ chịu. Các đơn vị, cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng hàng hoá dịch vụ

- Thuế GTGT : là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Tùy vào đặc điểm của ngành nghề kinh doanh, loại hình doanh nghiệp, điều kiện tổ chức công tác kế toán, hoá đơn, chứng từ và theo quy định của nhà nước doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 2 phương pháp tính thuế GTGT

+ Phương pháp khấu trừ : theo phương pháp này, thuế GTGT trong kỳ được xác định như sau :

$$\begin{array}{rcccl} \text{Thuế GTGT} & & \text{Thuế GTGT} & & \text{Thuế GTGT đầu} \\ \text{phải nộp} & = & \text{đầu ra} & - & \text{vào được khấu} \\ & & & & \text{trừ} \end{array}$$

Trong đó

$$\begin{array}{rcccl} \text{Thuế GTGT} & & \text{Giá tính thuế của} & & \text{Thuế GTGT của} \\ \text{đầu ra} & = & \text{hh dv bán ra} & - & \text{hh, dv bán ra} \\ & & \text{trong kỳ} & & \end{array}$$

Thuế GTGT đầu vào = tổng số thuế GTGT tập hợp trên các hoá đơn GTGT khi mua hàng hoá, vật tư, dịch vụ hoặc trên các chứng từ nộp thuế GTGT của hàng nhập khẩu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế

+ Phương pháp trực tiếp : theo phương pháp này thuế GTGT phải nộp được xác định theo công thức

$$\begin{array}{rcccl} \text{Thuế GTGT} & & \text{Thuế suất thuế} & & \\ \text{phải nộp} & = & \text{GTGT của} & - & \text{GTGT của hh,dv} \\ & & \text{hh,dv chịu thuế} & & \text{tương ứng} \end{array}$$

- Thuế xuất khẩu

Đối tượng chịu thuế : tất cả hàng hoá dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới nước Việt Nam

Đối tượng nộp thuế : tất cả các đơn vị kinh tế trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu

Thuế XK phải nộp do Hải quan tính trên cơ sở trị giá bán tại cửa khẩu ghi trong hợp đồng đồng của lô hàng xuất(thường là giá FOB) và thuế suất của mặt hàng xuất và được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá

1.2.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, kế toán doanh thu bán hàng của doanh nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những DN nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, kí gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng phần hoa hồng bán hàng mà DN được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương pháp trả chậm, trả góp thì DN ghi nhận

doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

- Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật..., người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được DN chấp nhận, hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản

TK531- Hàng bán bị trả lại

TK532 - Giảm giá hàng bán

TK521 - Chiết khấu thương mại.

- Trường hợp trong kỳ DN đã viết hoá đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kì vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511- "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" mà chỉ hạch toán vào bên có của TK 131- "Phải thu của khách hàng" về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Chứng từ, tài khoản sử dụng.

* Chứng từ: Các chứng từ sử dụng trong kế toán tiêu thụ thành phẩm:

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn GTGT.
- Phiếu thu tiền mặt, giấy báo nợ, báo có của ngân hàng...

* Tài khoản :

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Là tài khoản dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DN trong một kì kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này không có số dư. Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp II:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán TP

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- TK 512: Doanh thu nội bộ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ DN, tài khoản này không có số dư.

TK 512 có 3 tài khoản cấp II:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán TP

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Trong đó các DN sản xuất chủ yếu sử dụng TK 5112 và TK 5122

- TK521: Chiết khấu thương mại.

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà DN đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hoá đơn mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Tài khoản này không có số dư và kết cấu ngược với TK 511.

TK 521 có 3 tài khoản cấp II:

TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.

TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.

TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

- TK 531: Hàng bán bị trả lại.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do: Vi phạm hợp đồng, vi phạm cam kết, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, qui cách.

- TK 532: Giảm giá hàng bán.

Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ.

- TK 3387: Doanh thu chưa thực hiện như: Số tiền nhận trước nhiều năm về cho thuê tài sản; khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả ngay; khoản lãi trả trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ: trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu...

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các khoản khác như: TK131, TK111, TK333...

*Trình tự kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1. Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT được khấu trừ (33311) (Nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, . . .

2. Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

3. Khi phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

Nợ TK532

Nợ TK3331 (nếu có)

Có TK111, 112, 131

4. Khi phát sinh nghiệp vụ hàng bán bị trả lại

+ Kế toán phản ánh trị giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho

Nợ TK155, 156

Có TK632

+ Đồng thời phản ánh doanh thu của số hàng bán bị trả lại

Nợ TK531

Nợ TK3331 (nếu có)

Có TK111, 112, 131

+ Nếu có chi phí liên quan đến hàng bán bị trả lại

Nợ TK641

Có TK liên quan

5. Cuối kỳ kết chuyển giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại làm giảm doanh thu trong kỳ

Nợ TK 511

Có TK5 32, 531

6. Khi tính số thuế TTĐB và thuế xuất khẩu phải nộp

Nợ TK511, 512

Có TK3332

Có TK3333

7. Khi nộp thuế TTĐB và thuế xuất khẩu ghi

Nợ TK3332

Nợ TK3333

Có TK111, 112

* Trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ xem ở phụ lục 1

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán :

Trị giá vốn hàng bán là toàn bộ các chi phí liên quan đến quá trình bán hàng, gồm có trị giá vốn của hàng xuất kho để bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN phân bổ cho hàng bán ra trong kỳ.

Đối với DN sản xuất, trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc TP hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của TP xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của TP hoàn thành (cách xác định đã được nêu ở phần đánh giá TP).

Sau khi tập hợp được Chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN sẽ tiến hành phân bổ cho hàng đã bán, từ đó xác định được trị giá vốn của hàng bán.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{Của hàng bán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn của hàng} \\ \text{Xuất kho để bán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CPBH và CPQLDN phân} \\ \text{bổ cho số hàng đã bán} \end{array}$$

Tài khoản sử dụng :

Kế toán sử dụng TK 632 - Giá vốn hàng bán

TK 632 – giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ

* Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Bên Nợ : + Trị giá vốn thành phẩm tồn kho đầu kỳ
- + Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ
- + Tổng giá thành thực tế thành phẩm, lao vụ, dịch vụ mua đã hoàn thành
- + các khoản khác cho phép tính vào giá vốn
- Bên Có: + Kết chuyển trị giá vốn thành phẩm tồn kho cuối kỳ ... vào bên Nợ TK 155
- + Kết chuyển trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên nợ TK 157
- + Kết chuyển giá vốn thành phẩm đã xác định tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

* Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Bên Nợ

- + Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hh, dv đã tiêu thụ trong kỳ.
- + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn tkho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra
- + Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải

lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước

- Bên Có

- + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- + Giá vốn của hàng bán bị trả lại
- + K/c giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Trình tự kế toán giá vốn hàng bán xem ở phần phụ lục 2

1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng (CPBH) là chi phí lưu thông, chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, bao gồm: Chi phí quảng cáo, chi phí giao hàng, chi phí giao dịch, tiền hoa hồng bán hàng, tiền lương nhân viên bán hàng...

Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ cần được phân loại rõ và tổng hợp theo đúng nội dung qui định, cuối kỳ hạch toán, chi phí bán hàng cần được phân bổ, kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Đối với DN sản xuất, CPBH phân bổ cho hàng bán ra theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{CPBH} \\ \text{phân bổ} \\ \text{cho hàng} \\ \text{đã bán} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{CPBH cần phân} \\ \text{bổ đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CPBH cần phân} \\ \text{bổ PSTK} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của TP xuất} \\ \text{bán trong kỳ và “TP tồn cuối kỳ”} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tiêu chuẩn} \\ \text{phân bổ của} \\ \text{TP đã xuất bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Tiêu chuẩn phân bổ có thể là: Trị giá vốn thực tế của TP xuất bán, doanh thu bán TP, số lượng TP xuất bán...

“Hàng tồn cuối kỳ”: Đối với DN sản xuất là trị giá vốn thực tế của TP tồn kho cuối kỳ và hàng gửi đi bán chưa được tiêu thụ cuối kỳ.

Phần CPBH không được phân bổ thì được kết chuyển sang theo dõi ở “chi phí chờ kết chuyển” (TK 1422).

* Tài khoản sử dụng: TK 641 - Chi phí bán hàng.

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, Tài khoản 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản này không có số dư, và có 7 tài khoản cấp II:

TK 6411 - Chi phí nhân viên.

TK 6412 - Chi phí vật liệu.

TK 6413 - Chi phí dụng cụ đồ dùng.

TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK 6415 - Chi phí bảo hành.

TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác.

Trình tự kế toán chi phí bán hàng xem ở phần phụ lục 3

Kế toán chi phí quản lý DN.

Chi phí quản lý DN (CPQLDN) là chi phí chi cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả DN.

Cũng như CPBH, CPQLDN cần được tính toán, phân bổ cho hàng đã bán ra trong kỳ. Công thức phân bổ giống như CPBH (đã được trình bày ở mục trên).

Phần CPQLDN không được kết chuyển thì chuyển sang theo dõi ở “Chi phí chờ kết chuyển”.

* Tài khoản sử dụng: TK 642 - Chi phí quản lý DN .

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, . . .); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn

bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ. . .); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng. . .).

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định.

Tuỳ theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, Tài khoản 642 Có thể được mở thêm một số tài khoản cấp 2 để phản ánh một số nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý ở doanh nghiệp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản này có 8 tài khoản cấp II:

TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý.

TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý.

TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng.

TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí.

TK 6426 - Chi phí dự phòng.

TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác.

Trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp xem ở phần phụ lục 4

1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính

Khái niệm :

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp được coi là thực hiện trong kỳ. Doanh thu hoạt động tài chính gồm

- Tiền lãi : lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định,...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập chuyên nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận thỏa mãn 2 điều kiện :

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Đồng thời được xác định trên cơ sở

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Theo dõi số hiện có và tình hình tăng, giảm giá trị của các khoản đầu tư tài chính và kinh doanh về vốn khác 1 cách thường xuyên, liên tục và chính xác, chi tiết theo từng lĩnh vực đầu tư và theo từng đối tượng mà doanh nghiệp đã đầu tư

- Theo dõi, phản ánh kiểm tra các khoản thu nhập, chi phí hoạt động tài chính. Trên cơ sở đó tính toán đầy đủ, kịp thời và chính xác kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp

Tài khoản sử dụng :

Kế toán sử dụng TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính xem ở phần phụ lục 5

Kế toán chi phí tài chính của doanh nghiệp

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch

bán chứng khoán..., khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

Tài khoản sử dụng :

Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung

Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây :

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm , cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí kinh doanh bất động sản
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác
- Chi phí tài chính khác

Trình tự kế toán Chi phí hoạt động tài chính xem ở phần phụ lục 6

1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:

Kế toán thu nhập khác

Khái niệm :

Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm :

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;

- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

Tài khoản sử dụng :

Kế toán sử dụng TK 711 - Thu nhập khác

Kế toán chi phí khác

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con liên kết, đầu tư dài hạn khác:
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác

Tài khoản sử dụng

TK 811 – chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

1.3. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ là phần lợi ích mà doanh nghiệp nhận được hoặc tổn thất mà doanh nghiệp phải gánh chịu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của Hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác : là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh được tạo ra từ việc so sánh giữa doanh thu của doanh nghiệp với chi phí bỏ ra tương ứng mà doanh nghiệp phải chi cho hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển

Thông thường có 3 cách phân loại kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau

- Căn cứ vào phạm vi tính toán : kết quả hoạt động được phân thành lãi (lỗ) gộp, lãi (lỗ) thuần, lãi (lỗ) ròng.

- Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động kinh doanh : kết quả hoạt động được phân thành lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh, lãi (lỗ) từ hoạt động khác.

- Căn cứ vào mối quan hệ giữa kế toán và thuế : kết quả hoạt động được phân thành: lãi (lỗ) kế toán, lãi (lỗ) tính thuế

1.3.2. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả của của hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả của hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính

Kết quả kinh doanh thông thường được xác định theo công thức sau:

Lãi (lỗ)	DT thuần	Giá	DT	Chi	CPBH và
từ hoạt	về bán	vốn	hoạt	phí	CPQLDN
động	= hàng và	- của	+ động	- tài	- tính cho
kinh	cung cấp	hàng	tài	chính	hàng tiêu
doanh	dịch vụ	bán	chính		thụ trong kỳ

Trong đó

DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	Giảm giá hàng bán	-	Hàng bán bị trả lại	-	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu
--	---	---------------------------------	---	-----------------------	---	-------------------	---	---------------------	---	--

1.3.3. Tài khoản và Chứng từ sử dụng.

Căn cứ vào các sổ theo dõi chi phí cuối kỳ kết chuyển XKĐKQ, và một số các sổ liên quan khác.

Để hạch toán kết quả kinh doanh kế toán sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TK 421 - lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Hạch toán tài khoản 911 này cần tôn trọng một số quy định sau

1. Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (Hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính. . .). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

3. Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

Trình tự kế toán Xác định kết quả kinh doanh xem ở phần phụ lục 8

Chương II

THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

2.1 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

- Tên doanh nghiệp : Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn HAPACO.
- Tên giao dịch tiếng anh : HAPACO CORPORATION GROUP.
- Biểu tượng của công ty:



- Loại hình doanh nghiệp : tập đơ.....
- Địa chỉ : tầng 5,6 toà nhà Khánh Hội – Lô 2/3 C Lê Hồng Phong – Ngõ Quyền Hải Phòng.
- Số điện thoại: (0084-31) 3556002,3556003.
- Số fax : (0084- 31) 355008
- Email : hapaco@hn.vnn.vn , Hap@hapaco.vn
- Website: www.hapaco.vn.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công Ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco

Công ty Cổ phần Tập Đoàn HAPACO là một tổ chức sản xuất kinh doanh thương mại về giấy và các sản phẩm về giấy lớn nhất ở Hải Phòng là một trong những Doanh nghiệp đầu tiên của miền bắc cổ phần hoá và tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính đến thời điểm này, công ty đã có gần 50 xây dựng và phát triển, chặng đường đó được chia là 2 thời kỳ :

Thời kỳ năm 1960 – 1997

Tiền thân của công ty là Xí nghiệp giấy bìa Đồng Tiên, được thành lập ngày 14/9/1960 trên cơ sở xưởng giấy nhỏ được công tư hợp doanh thành DNNN, chuyên sản xuất các loại bìa các tông với những thiết bị cũ trong nước giải quyết

một phần nhu cầu về giấy cho nhân dân thành phố trong thời kỳ chiến tranh. Năm 1975, do nhu cầu về giấy viết, giấy in tăng, Xí nghiệp đã mở rộng đầu tư thêm dây chuyền sản xuất giấy mỏng cung cấp các loại giấy in, viết đánh máy.

Tháng 12 năm 1986, Xí nghiệp đổi tên thành nhà máy giấy Hải Phòng. Thời gian này chất lượng của các sản phẩm giấy của nhà máy giấy không thể cạnh tranh được với những sản phẩm cùng loại của nhà máy giấy Bãi Bằng, Vĩnh Phú, vì vậy lãnh đạo nhà máy đã quyết định chọn phương thức sản xuất sản phẩm mới cho thị trường phía bắc, cải tiến thiết bị sản xuất giấy vệ sinh từ dây chuyền cũ. Bên cạnh đó, đẩy mạnh xuất khẩu sang Liên Xô (cũ)

Năm 1991, nhà máy nhanh chóng tiếp cận thị trường Đài Loan, xuất khẩu giấy để sang Đài Loan, một mặt hàng hoàn toàn mới tại Viện Nam vào thời điểm đó. Nhờ vậy, sản xuất kinh doanh của nhà máy ổn định và tăng trưởng vững chắc trong thời gian đó.

Tháng 12 năm 1992, nhà máy đổi tên thành công ty giấy Hải Phòng – HAPACO. Từ đây, công ty đã lớn mạnh không ngừng, bình quân tăng trưởng 31% , đặc biệt năm 1996 tỷ lệ tăng trưởng là 200%. HAPACO trở thành công ty đứng thứ 2 ở miền Bắc trong ngành giấy.

Thời kỳ từ năm 1998 đến nay :

Đầu năm 1998, công ty Giấy Hải Phòng đã tách ra 3 phân xưởng sản xuất để tiến hành cổ phần hoá một bộ phận thành lập Công ty Cổ phần Hải Âu(HASCO). Đến tháng 9/1999, vốn điều lệ của HASCO đã tăng trưởng gấp 3 lần, chia cổ tức cho cổ đông trị giá bằng 100% vốn cổ phần. Với kết quả như trên UBND Thành phố Hải Phòng quyết định cổ phần hoá phần còn lại của công ty. Ngày 28/10/1999 Công ty giấy Hải phòng chính thức hợp nhất vào công ty cổ phần Hải Âu, đổi tên thành Công ty cổ phần giấy Hải Phòng HAPACO.

Tháng 8/2000, công ty là 1 trong 4 công ty cổ phần đầu tiên niêm yết trên TTGDCK TP.HCM.

Ngày 7/4/2006, trong phiên Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Đại hội đã nhất trí đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần giấy Hải Phòng thành công ty cổ phần HAPACO.

Đến tháng 9/2009 được sự đồng ý của Đại Hội cổ đông, hội đồng quản trị thống nhất đổi tên từ “tổng công ty cổ phần HAPACO” sang “Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO”

2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần HAPACO được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn nhà nước hiện tại có của công ty giấy Hải Phòng và số cổ phần nhà nước hiện có của công ty giấy Hải Phòng trong công ty cổ phần Hải Âu cho công ty cổ phần HAPACO theo quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

2. Chức năng, nhiệm vụ tổ chức kinh doanh

Theo giấy đăng ký số 055591 do sở kế hoạch đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 6 năm 1999 , cấp lại lần 9 ngày 10/01/2008 hoạt động kinh doanh của công ty là :

- Sản xuất kinh doanh, gia công bột giấy và các sản phẩm giấy các loại
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản phẩm chế biến từ nông lâm sản để xuất khẩu
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán:
- Kinh doanh xuất khẩu vật tư, nguyên liệu hóa chất thông thường

Trong đó mặt hàng sản xuất, kinh doanh chính của Công ty cổ phần tập đoàn Hapaco vẫn là bột giấy, giấy vệ sinh, giấy đế, in ấn, in vàng mã xuất khẩu ra nước ngoài. Đặc biệt là thị trường Đài Loan

Nhiệm vụ của công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO cũng như các công ty thành viên là : hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật, kinh doanh có lãi, phát triển và bảo toàn vốn kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước. Đồng thời không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty, quan tâm tốt tới mọi công tác xã hội.

3. Thuận lợi và khó khăn.

Thuận Lợi:

- Tập đoàn HAPACO có một tập thể đoàn kết nhất trí cao giữa đảng uỷ, hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, ban chấp hành công đoàn, Đoàn thanh niên mọi chủ trương, chỉ thị nghị quyết ... đều được triển khai thực hiện nghiêm túc
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và các tổ chức chính trị có năng lực trình độ, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, lăn lộn với sản xuất và gắn sức bảo vệ thành quả sản xuất
- Tập đoàn có uy tín lớn với thị trường trong nước cũng như thị trường nước ngoài, duy trì sản phẩm truyền thống nhiều năm bảo đảm yêu cầu chuẩn chất lượng, chiếm thị phần lớn đối với thị trường trong nước và ngoài nước.

Khó khăn:

- Sự tác động sâu rộng của khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy giảm kinh tế trong nước.
- Giá nguyên vật liệu, vật tư đầu vào liên tục biến động. trong khi đó giá đầu ra cho sản phẩm không hề thay đổi. Cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước ngày càng khốc liệt về cả số lượng và chất lượng sản phẩm
- Hạ tầng giao thông tại các tỉnh miền núi nơi Tập đoàn đặt các công ty thành viên còn yếu kém và càng ngày càng xuống cấp gây trở ngại trong việc vận chuyển nguyên liệu , sản phẩm làm cho sản xuất kinh doanh trở nên khó khăn.
- Công tác quản lý tại các công ty thành viên còn nhiều bất cập, cán bộ quản lý thiếu quan tâm đến định mức và tiêu hao nguyên liệu khiến hiệu quả kinh tế chưa cao
- Sự phối hợp giữa các khối tài chính, khối sản xuất và các phong ban nghiệp vụ chưa được ăn khớp còn xa cách, chưa tạo nên một thể thống nhất trong quản lý

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý công ty

Mô hình tổ chức quản lý Công ty.

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO tổ chức mô hình quản lý công ty theo hình thức công ty mẹ công ty con. Đứng đầu công ty là Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- **Đại hội đồng cổ đông** : gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông thông qua báo cáo tài chính hàng năm, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo và bầu ra HĐQT và BKS.

- **Hội đồng quản trị** : là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để giải quyết những vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty như quyết định chiến lược phát triển của công ty, quyết định giải pháp về vốn, phát triển thị trường,... Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng hoặc người đại diện của công ty và các chức danh khác do HĐQT của công ty bổ nhiệm.

- **Ban tổng giám đốc** gồm có tổng giám đốc và 3 phó tổng giám đốc.

- **Ban kiểm soát** : là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ do ĐHCĐ bầu ra độc lập với HĐQT và ban tổng giám đốc, có nhiệm vụ kiểm tra, soát xét tính hợp lý hợp pháp trong điều hành kinh doanh và BCTC.

- **Phòng tổ chức hành chính** : Giúp cho Tổng giám đốc trong công tác tổ chức, cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo tuyển dụng, thi đua khen thưởng, kỷ luật, thanh tra – bảo vệ theo đúng chế độ chính sách của nhà nước. Bảo đảm và sử dụng tài sản văn phòng công ty đúng mục đích. Tổ chức phục vụ các hoạt động hàng ngày của Ban tổng giám đốc và các phòng nghiệp vụ công ty.

- **Phòng xuất nhập khẩu thương mại** : giúp cho Tổng giám đốc trong công việc xây dựng các phương án Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu hàng năm của toàn công ty. Thực hiện các thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế, việc thực hiện kế hoạch và hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Phòng tài chính - kế toán** : có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh cho giám đốc mọi hoạt động của công ty thông qua chỉ tiêu giá trị của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh: tổ chức và điều hành toàn bộ công tác kế toán của công ty.

- **Phòng kế hoạch - vật tư** : xây dựng kế hoạch sản xuất năm, tháng để giao cho các đơn vị. Thực hiện và kiểm soát công tác chuẩn bị, phê duyệt tài liệu mua hàng. Lựa chọn nhà cung ứng, tổ chức tiếp nhận vật tư, đảm bảo chất lượng của nguyên liệu mua về phù hợp với những yêu cầu chất lượng sản phẩm của công ty.

Các phòng ban trên đây không chỉ phải hoàn thành nhiệm vụ của mình mà còn phải phối hợp lẫn nhau để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được liên tục ngoài ra còn có nhiệm vụ hướng dẫn các bộ phận cấp dưới thực hiện các quyết định. Cơ cấu tổ chức như trên là phù hợp với kế hoạch phát triển lâu dài của công ty.

***Các công ty thành viên :**

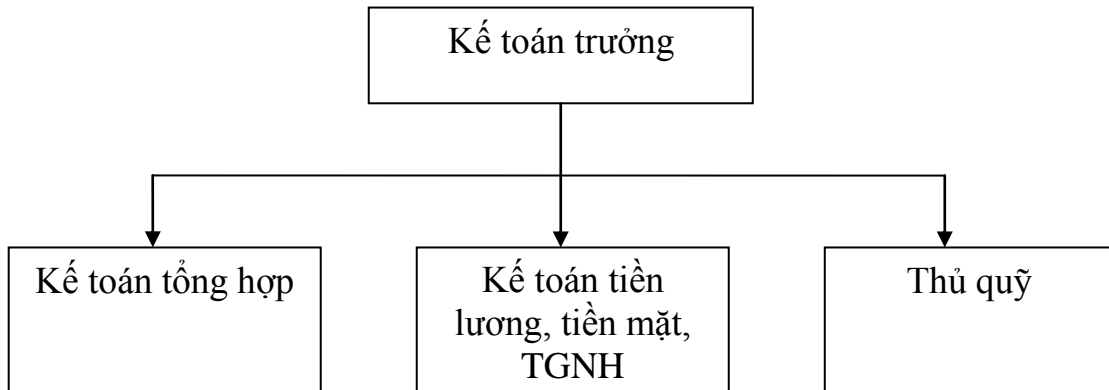
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông
- Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
- Công ty cổ phần HAPACO Đông Bắc
- Công ty cổ phần HAPACO Hải Hà
- Công ty cổ phần HAPACO H.P.P
- Công ty TNHH Đầu tư tài chính HAPACO
- Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty

2.1.4.1. Mô hình bộ máy kế toán của tập đoàn HAPACO

Do đặc thù của tập đoàn HAPACO là công ty mẹ công ty con nên công ty đã lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán vừa tập chung vừa phân tán. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tại phòng tài chính kế toán cho nên mọi công việc kế toán của công ty đều được tổ chức tại phòng tài chính – kế toán

Sơ đồ bộ máy kế toán



Kế toán trưởng : là người giúp giám đốc về lĩnh vực công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán theo pháp luật và thực hiện chức năng theo quy định tại điều lệ kế toán trưởng doanh nghiệp. Kế toán trưởng phụ trách chung, điều hành chỉ đạo trực tiếp bộ phận kế toán toàn công ty. Đồng thời có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra các hoạt động kinh doanh đơn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ của các nhân viên trong phòng và kế toán trưởng tại các chi nhánh, công ty thành viên.

Kế toán tổng hợp : Thay thế kế toán trưởng giải quyết công việc khi kế toán trưởng đi vắng. Chỉ đạo và hướng dẫn chung công tác nghiệp vụ. Theo dõi việc quản lý và sử dụng công cụ lao động, TSCĐ, tình hình tăng giảm TSCĐ, phân bổ công cụ lao động xuất dùng trong kỳ. Tổng hợp, theo dõi công tác tài chính các công ty thành viên.

Kế toán tiền lương, tiền mặt và ngân hàng : tổ chức tính lương và các khoản trích theo lương cho toàn bộ cán bộ ở tập đoàn. Theo dõi và thực hiện thanh toán tiền mặt, TGNH, viết phiếu thu, phiếu chi, lập báo cáo quỹ tiền mặt, phụ trách các tài khoản 111,112.

Kế toán các đơn vị :

- Lập báo cáo tài chính gửi về công ty đúng kỳ hạn.
- Lập tờ khai, báo cáo tháng theo đúng quy định.
- Thường xuyên liên hệ với bộ phận kế toán công ty để nắm bắt những thông tin cần thiết trong lĩnh vực tài chính.

2.1.4.2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng

- Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư do nhà nước ban hành

- Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO áp dụng chế độ doanh nghiệp bán hàng theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 55/2002/TT – BTC ngày 20/06/2002 của bộ trưởng bộ tài chính

- Mỗi niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

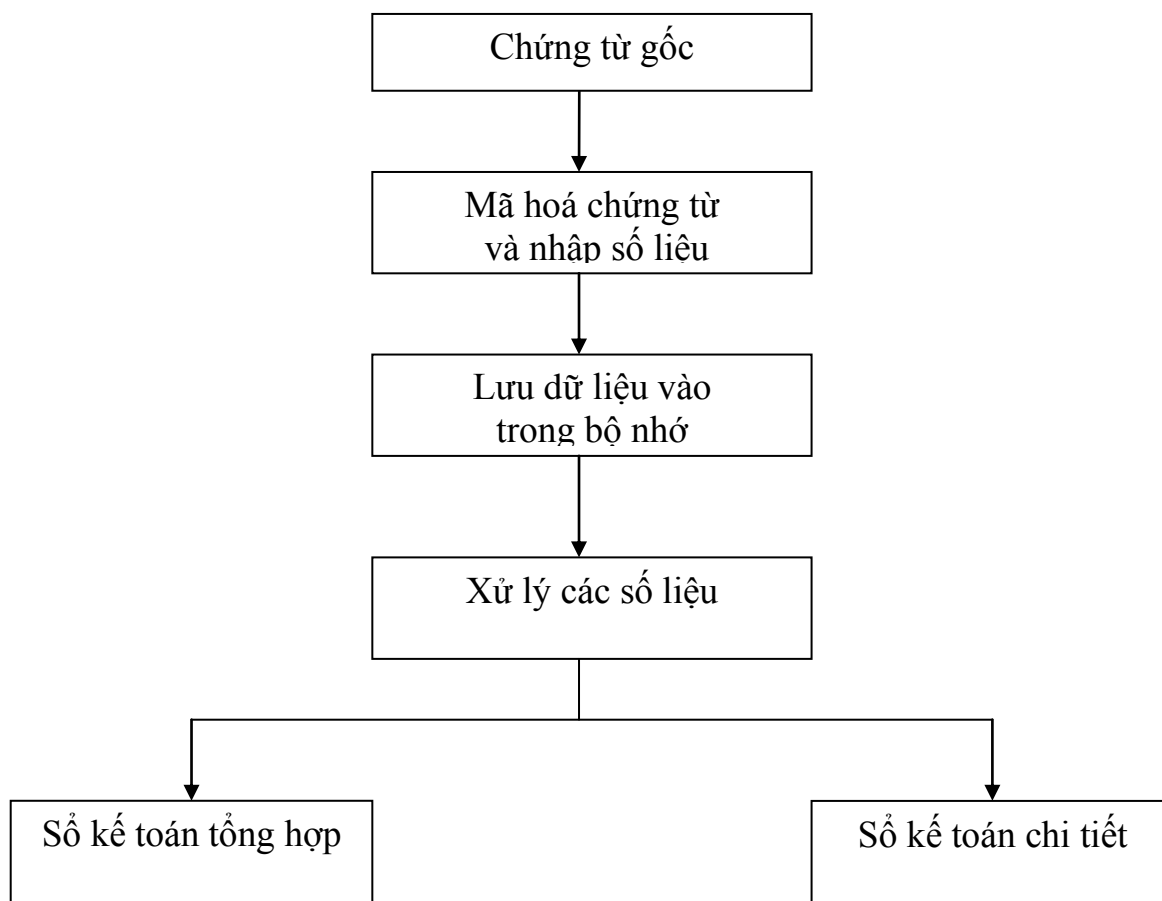
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

- Nguyên tắc quy đổi ngoại tệ: Theo dõi chi tiết ngoại tệ và quy đổi ra VND theo tỷ giá do NHNN công bố

- Nguyên tắc đánh giá tài sản là theo trị giá ghi sổ kế toán.

- Hình thức tổ chức kế toán áp dụng : kế toán trên máy vi tính, sử dụng mẫu sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ, sử dụng phần mềm TELET (TELET SOLUTION). Hệ thống TELET giúp khai thác thông tin một cách nhanh chóng và chính xác, hệ thống sổ kế toán được biên soạn trên cơ sở phân biệt công tác kế toán thành 2 hệ thống : kế toán tài chính và kế toán quản trị. Theo hình thức này hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán viên cập nhập số liệu phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo dõi liên tục đồng thời đối chiếu với các phần hành kế toán có liên quan vào cuối tháng, trước khi báo cáo cho kế toán tổng hợp. Sau đó kế toán tổng hợp tiến hành kiểm tra và so sánh lại tất cả các phần hành kế toán đã báo cáo, xử lý các sai sót trước khi tiến hành lên sổ cái.

Quy trình xử lý số liệu của phần mềm kế toán



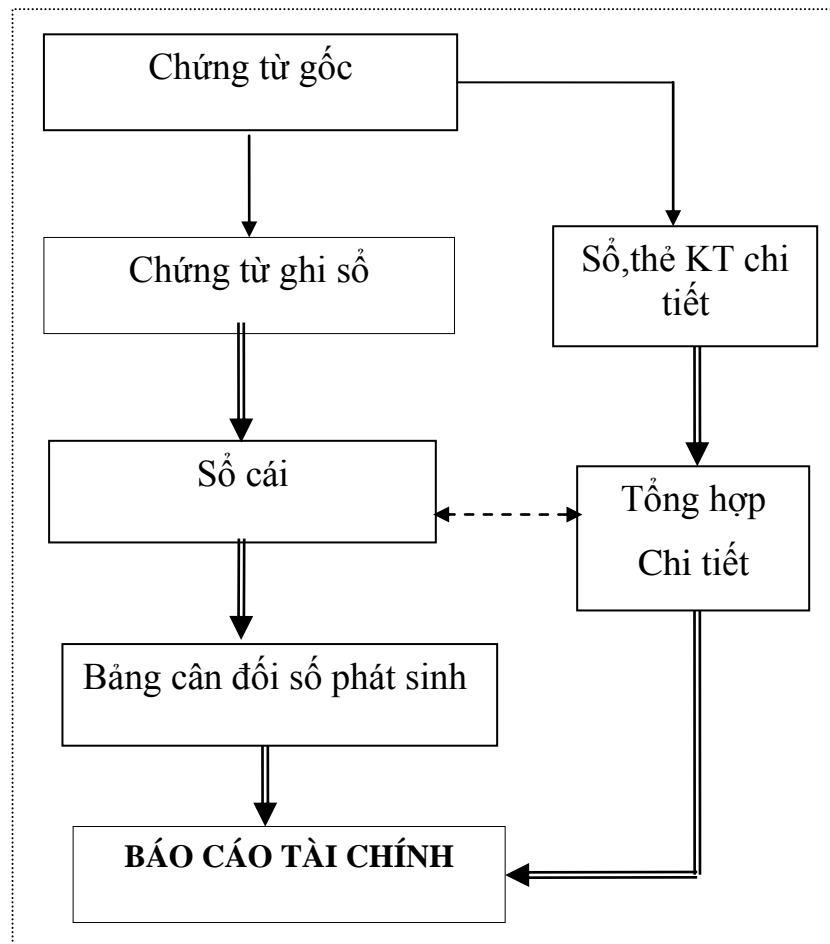
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bản cân đối kế toán được lập theo từng quý, còn thuyết minh báo cáo tài chính và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập vào cuối niên độ kế toán .

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và tài sản cố định được tính trích khấu hao theo thời gian sử dụng của tài sản cố định.

Hình thức sổ kế toán áp dụng ở công ty.

Căn cứ vào số lượng tài khoản sử dụng cũng như quy mô, đặc điểm hoạt động của công ty. Hình thức kế toán được sử dụng là hình thức kế toán “ chứng từ ghi sổ”.

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú

Ghi hằng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết

- Cuối tháng, kế toán phải khoá sổ để tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng, tính ra tổng số phát sinh nợ, phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái

Phòng kế toán lập và gửi báo cáo tài chính vào cuối quý, vào cuối niên độ kế toán (năm dương lịch) nhằm phản ánh tổng quát tình hình kết quả sản xuất kinh

doanh của công ty cho ban giám đốc, các đối tượng khác ngoài công ty. Công ty lập cả 4 báo cáo tài chính:

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Cuối kỳ công ty còn lập bảng tổng hợp TSCĐ, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, báo cáo bán ra, báo cáo mua vào (theo tháng), báo cáo CPBH, báo cáo chi phí dịch vụ, báo cáo CPQLDN.

Sổ sách sử dụng : chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết, bảng kê, bảng tổng hợp chi tiết, sổ cái

2.2. TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO.

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO hoạt động theo hình thức công ty mẹ, công ty con. Do vậy để xác định được doanh thu của công ty cổ phần tập đoàn HAPACO. Ta phải xác định được doanh thu của các công ty thành viên. Kế toán trưởng của các công ty thành viên vào cuối kỳ, cuối tháng và cuối quý sẽ gửi báo cáo doanh thu về công ty mẹ. Dựa trên các báo cáo đó kế toán trưởng tại công ty mẹ sẽ tập hợp, hợp nhất thành báo cáo doanh thu của công ty. Dựa trên bản báo cáo đó công ty sẽ đưa ra những điều chỉnh hợp lý để có thể tối đa hoá lợi nhuận, kịp thời phát hiện sai phạm và tham mưu cho giám đốc.

2.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại doanh nghiệp.

2.2.1.1. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu.

Doanh thu bán hàng của công ty là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá.

◆ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hoá

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

- Xác định được chi phí liên quan đến việc bán hàng

Do giá trị của mỗi lần xuất hàng để bán buôn thường khác nhau, các nhân viên phòng kinh doanh, tiêu thụ phải nộp hoá đơn bán hàng (hoá đơn GTGT) cho hàng bán ra. Hoá đơn bán hàng có giá trị như tờ lệnh xuất kho, đồng thời là cơ sở để kế toán theo dõi, ghi chép, phản ánh doanh thu bán hàng, theo dõi công nợ cũng như việc xuất tồn kho trên thẻ kho kế toán.

Các khoản giảm trừ doanh thu : các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp

2.2.1.2. Tài khoản và chứng từ sử dụng sử dụng:

◆ Tài khoản kế toán : Trong quá trình bán hàng công ty sử dụng các tài khoản sau. Để phản ánh theo dõi doanh thu bán hàng kế toán sử dụng:

- TK 111: Tiền mặt

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng

- TK 131: Phải thu khách hàng

- TK 133: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

- TK 156: Hàng hoá

- TK 3331: Thuế giá trị gia tăng đầu ra

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- TK 531: hàng bán bị trả lại

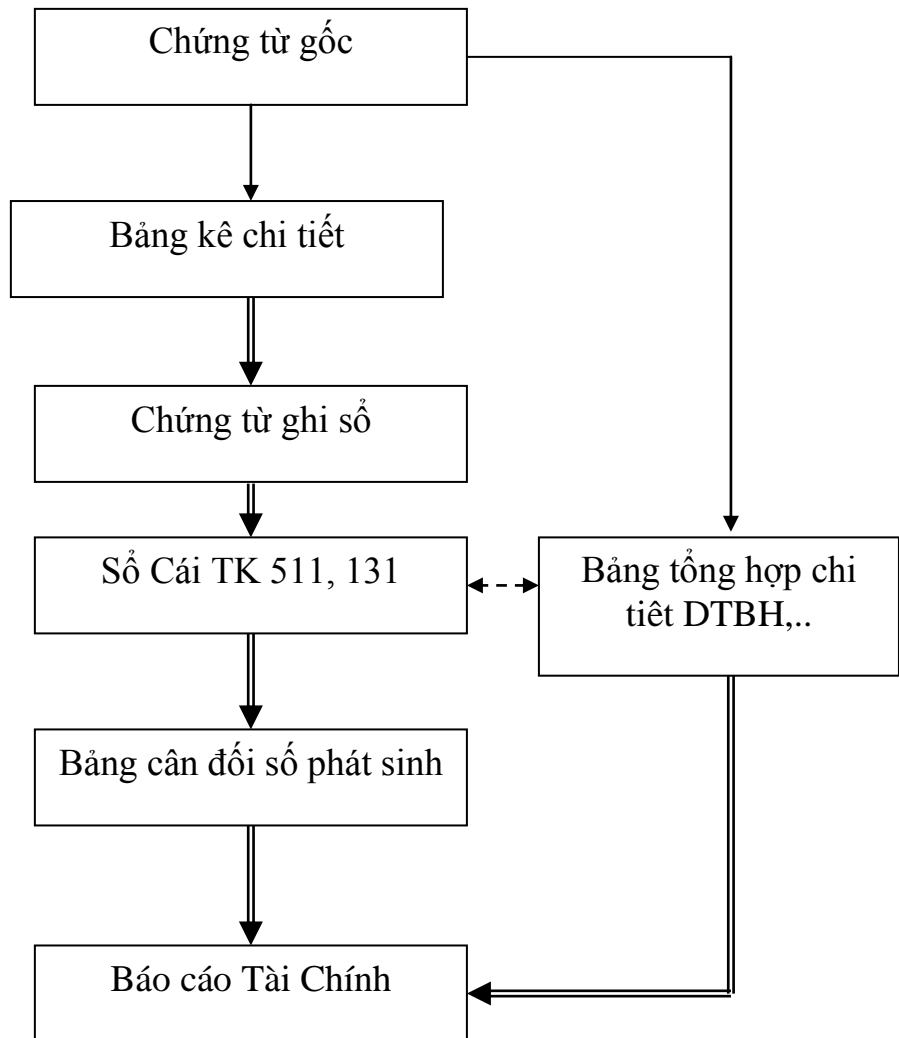
- TK 532 : giám giá hàng bán
- TK 521 - Chiết khấu thương mại

◆ Sổ kế toán sử dụng

Chứng từ ban đầu làm căn cứ ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng là: hoá đơn bán hàng, hoá đơn GTGT theo mẫu 01 GTKT - 03SLL - Số 012216.

- + Các bảng kê chứng từ, chứng từ ghi sổ.
- + Sổ chi tiết phải thu của khách hàng:
- + Sổ cái TK 131, TK 5111, TK 3331
- + Ngoài ra còn sử dụng các bảng kê, chứng từ bán hàng, phiếu ghi sổ kiêm luân chuyển chứng từ gốc

Sơ đồ trình tự lên số liệu sổ kế toán doanh thu bán hàng như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng được xác định như sau

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ vì. Do đó, hoá đơn bán hàng Công ty đang sử dụng là Hoá đơn GTGT mẫu 01- GTKT- 3LL. Hoá đơn GTGT được lập làm 3 liên:

- Liên 1: lưu tại phòng tiêu thụ
- Liên 2: giao cho khách hàng

- Liên 3: dùng thanh toán.

Thủ kho dùng 3 liên để ghi thẻ kho theo chỉ tiêu khối lượng hàng xuất, cuối tháng chuyển thẻ kho lên phòng tài chính kế toán cho kết toán. Vì đặc điểm là ở Công ty có sử dụng phần mềm kế toán nên có một sổ bút toán kế toán ghi tắt, chỉ cần nhập số liệu vào bên Nợ một tài khoản thì phần đối ứng máy tính tự động tính toán và xác định tài khoản ghi Có. Đối với bút toán ghi Nợ TK 131 thì máy tính sẽ tự động hiểu đây là phần phải thu của khách hàng và máy sẽ chia ra phần phải thu đó gồm có doanh thu và thuế GTGT Nói cách khác, máy tính sẽ hiểu bút toán sau :

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

Có TK 3331 – Thuế GTGT

Còn đối với bút toán ghi Có TK 156, máy tính sẽ hiểu và tự kết chuyển bút toán sau :

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 156 – Hàng hóa

Vậy với cách ghi chép này, kế toán phải hạch toán với ít thao tác hơn, tiết kiệm nhiều thời gian hơn. Đây là một ưu điểm của bộ máy kế toán Công ty. Với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, kế toán đã làm đơn giản hóa quy trình hạch toán.

Khi thu được tiền của khách hàng về số hàng hóa đó, kế toán ghi :

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Ở các công ty thành viên Công ty áp dụng nhiều phương thức thanh toán tiền hàng khác nhau nên tùy theo từng phương thức thanh toán cụ thể kế toán sẽ có các căn cứ khác nhau để hạch toán.

Như tại công ty cổ phần HAPACO Hải Âu chủ yếu thực hiện bán hàng trực tiếp cho khách hàng bằng việc ký kết các hợp đồng kinh tế qua phòng tiêu thụ của công ty hoặc mua bán thông qua các đại lý bán hàng của công ty. Theo đó, giá bán

của hầu hết các loại giấy do nhà máy xây dựng dựa trên giá thành, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và lãi định mức.

Để xác định được doanh thu của Công ty cổ phần Hapaco được sự đồng ý của công ty em xin sử dụng số liệu của công ty thành viên (công ty cổ phần HAPACO Hải Âu) để nắm rõ quy trình hạch toán về phần doanh thu

Ví dụ : Trong quý 3 phát sinh nghiệp vụ như sau

Ngày 16 tháng 9 năm 2009 công ty bán hàng theo phương thức trực tiếp cho công ty TNHH Mai Linh 22.000 cuộn giấy HAPACO trắng với giá 1430 đồng/cuộn khăn thơm 520 túi khăn thơm với giá 6364 đồng/ túi và 4000 cuộn giấy HAPACO 12 cuộn/ túi với giá 1240 đồng/ cuộn. Công ty tiến hành chiết khấu cho doanh nghiệp 5% trên tổng trị giá thanh toán.

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 07/09 phòng tiêu thụ lập hoá đơn GTGT 0086461 sau đó đưa sang phòng kế toán để kế toán đối chiếu số liệu và tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính và in ra phiếu thu số 382 để thu tiền bán hàng.

- Căn cứ vào các chứng từ gốc là hoá đơn GTGT, P XK kế toán lập bảng kê chi tiết từ bảng kê chi tiết kế toán lập chứng từ ghi sổ

Phần mềm kế toán sẽ tự động nhập số liệu vào sổ chi tiết các tài khoản 632,131,511,3331, sổ quỹ tiền mặt. sau đó vào sổ cái các tk 632,511, 333, 111 và các sổ các có liên quan

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Đơn vị :

Mẫu số 02 – VT

Bộ phận :

QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Mã đơn vị SDNS :

Ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 09 năm 2009

Số PX 07/09

Nợ

Có

Họ và tên người nhận hàng: Trần Văn Đình

Lý do xuất kho:

Xuất tại kho: công ty

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Giấy HAP trắng		Cuộn	22.000	22.000	1430	31.460.000
2	Khăn thơm		Túi	520	520	6364	3.309.280
3.	Giấy HAP 12c/túi		Cuộn	4000	4000	1240	4.960.000
Cộng							39.729.280

Số tiền bằng chữ: *Ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn hai trăm tám mươi đồng chẵn./*

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 16 tháng 09 năm 2009

Người lập biểu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

HÓA ĐƠN (GTGT)			Mẫu số: 01 GTKT – 3LL										
Liên 1(lưu)			PT/2009B										
Ngày 16 tháng 09 năm 2009			0086461										
Đơn vị bán hàng: <i>Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu</i>													
Địa chỉ: 441A – Tôn Đức Thắng – An Dương – Hải Phòng													
Số tài khoản:.....													
Điện thoại:.....		MS:	0	2	0	0	4	6	2	6	5	0	
Họ tên người mua hàng:													
Tên đơn vị: <i>Công ty TNHH – TM Vĩnh Hà</i>													
Địa chỉ: <i>24 Nguyễn Hồng – Lam Sơn – Hải Phòng</i>													
Số tài khoản:.....													
Hình thức thanh toán:TM		MS:	0	2	0	0	9	0	6	5	1	4	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền								
A	B	C	1	2	3=1*2								
1	Giấy HAP trắng	Cuộn	22.000	1430	31.460.000								
2	Khăn thơm	Túi	520	6364	3.309.280								
3.	Giấy HAP 12c/túi	Cuộn	4000	1240	4.960.000								
	Chiết khấu				1.986.464								
Cộng tiền hàng: 37.742.816													
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT: 3.774.282										
Tổng cộng tiền thanh toán: 41.517.098													
Số tiền viết bằng chữ: <i>bốn mươi một triệu năm mươi bảy nghìn không trăm chín mươi tám nghìn đồng./</i>													
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)									

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu

441A- Tôn Đức Thắng - An Dương - Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 09 NĂM 2009

Ghi nợ tài khoản 111

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản có				
				511	131	333	521
02/09	HD086417	Công ty Mai Linh mua hàng	19.692.398	17.902.180		1.790.218		
02/09	HD086418	Bán giấy cho đại lý	18.609.359	16.917.599		1.691.760		
....
10/09	HD086439	Bán hàng cho cô Bình	8.822.330	8.020.300		802.030		
.....						
15/09	PT408	Thu tiền bán hàng từ công ty Vĩnh Hà	11.035.024		11.035.024			
16/09	HD086471	Công ty Mai Linh mua hàng	41.517.098	39.729.280	3.774.282		1.986.474	
....	
		Cộng tiền	11.059.213.450	4.387.600.029	5.936.749.130	69.101.291	27.723.418	

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Mẫu số: S35 - DN

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Quý 3/2009

Tên sản phẩm: khăn thơm

Quyển số 04

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Thuế GTGT
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
...
07/09	086425	06/09	Bệnh viện phụ sản	131	100	6364	636.400	63.640
07/09	086426	06/09	Khách sạn Lâm Nghiệp – Đồ Sơn	111	246	6364	1.565.544	156.554
08/09	086427	07/09	Công ty Hoa anh – Ninh Bình	112	2045	6364	13.014.380	1.301.438
....
17/09	086461	16/09	Cty TNHH Mai Linh	111	520	6364	3.309.280	330.928
			Cộng số phát sinh				2.864.125.470	54.125.790
			- Doanh thu thuần				2.864.125.470	
			- Giá vốn hàng bán				2.272.130.200	
			- Lãi gộp				591.995.270	

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

Mẫu số: S35 - DN

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Quý 3/2009

Tên sản phẩm: giấy HAP trắng

Quyển số 06

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	521
...	
09/09	086436	09/09	Trại hè thanh niên Đồ Sơn	111	240	1430	1.773.200	177.320	
....	
17/09	086461	16/09	Cty TNHH Mai Linh	111	22.000	1430	31.460.000	3.146.000	
			Cộng số phát sinh				3.472.136.400	226.189.000	
			- Doanh thu thuần				3.472.136.400		
			- Giá vốn hàng bán				2.823.020.943		
			- Lãi gộp				649.142.457		

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Giám đốc
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải
Phòng

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của
Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số: 155

Đơn vị tính: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Bán giấy cho công ty Mai Linh	1111	511	39.729.462	
Bán hàng cho Đại Lý	1111	511	16.917.599	
.....
Thu tiền bán hàng của Công Ty TNHH Vĩnh Hà	131	511	11.035.024	
.....			
Cộng			26.094.276.047	

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải
Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài
chính

SỔ CÁI

Tài khoản : 511 – Doanh thu bán hàng

Quý 3/2009

ĐVT:đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			

146	30/09	Bán hàng cho Bệnh viên phụ sản	131		636.4000
150	30/09	Bán hàng cho khách sạn Lâm nghiệp	111		1.565.544
...
195	30/09	Bán giấy cho công ty Mai Linh	111		39.729.462
196	30/09	K/c Chiết khấu cho công ty Mai Linh	521	1.968.474	
	
		K/c doanh thu bán hàng và ccdv	911	22.837.600.029	
		Cộng phát sinh		22.837.600.029	22.837.600.029
		Cộng lũy kế phát sinh quý			
		Số dư cuối quý			

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CÁI

Tài khoản : 333 – thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Quý 3/2009

ĐVT:đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			90.147.600

195	30/09	VAT đầu ra của hh bán cho	111		3.774.282
	
		Cộng phát sinh		224.785.420	498.101.291
		Cộng lý kế phát sinh quý		214.933.020	488.248.891
		Số dư cuối quý			173.315.871

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán của doanh nghiệp

(Trích số liệu từ công ty thành viên HAPACO Hải Âu)

Giá vốn hàng bán thực chất là giá trị vốn (giá thành thực tế) của sản phẩm hàng hoá xuất bán trong kỳ

Công ty theo dõi số lượng hàng nhập - xuất - tồn dựa theo báo cáo của thủ kho. Hàng quý, thủ kho gửi báo cáo về tình hình hàng trong kho cho phòng kế toán. Kế toán không theo dõi giá vốn hàng bán theo mỗi nghiệp vụ bán hàng của công ty. Cuối mỗi tháng, kế toán trưởng dựa vào các phiếu xuất hàng, Hóa đơn bán hàng và tính toán lượng hàng xuất trong tháng, tiến hành ghi nhận tổng giá vốn hàng bán của tháng vào Sổ cái, không theo dõi riêng ở Sổ chi tiết.

Do đặc thù của công ty khi xuất, nhập thành phẩm, chỉ ghi mã số thành phẩm nên trên báo cáo chỉ ghi một mã số hàng hóa của nhiều hóa đơn cộng lại. Mọi bút toán liên quan đến TK 632 đều do máy tự tính. Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO cũng như các công ty con đều áp dụng đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ để xác định trị giá thành phẩm xuất kho. Cuối kỳ kế toán xác định đơn giá bình quân gia quyền cho từng loại thành phẩm theo công thức :

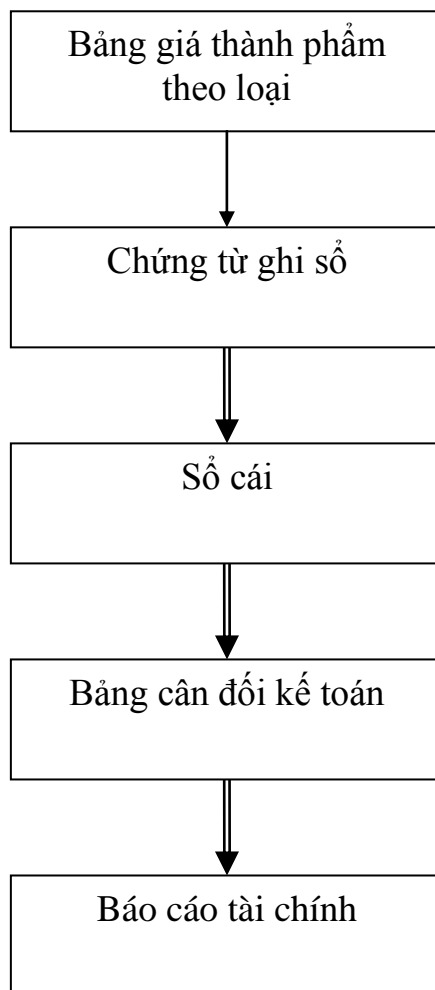
$$\begin{aligned} \text{Đơn giá BQGQ} &= \frac{\text{Trị giá tp tồn kho ĐK} + \text{Trị giá tp nhập trong kỳ}}{\text{Khối lượng tp tồn ĐK} + \text{Khối lượng TP nhập trong kỳ}} \\ \text{Trị giá Tp nhập trong kỳ} &= \text{Đơn giá thực tế BQGQ} \times \text{Khối lượng TP thực tế xuất kho trong kỳ} \end{aligned}$$

Tại các công ty thành viên việc theo dõi thành phẩm xuất kho hàng thực hiện trên thẻ kho do thủ kho thực hiện căn cứ vào các chứng từ xuất hoá đơn GTGT (nếu xuất kho để bán), phiếu xuất kho (nếu xuất kho phục vụ sản xuất).

Để hạch toán giá vốn hàng bán doanh nghiệp sử dụng TK 632 giá vốn hàng

Bán. Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ trình tự lên số liệu sổ kế toán giá vốn hàng bán như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =========>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Để xác định được giá vốn hàng bán của Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO. Ta phải dựa trên giá vốn hàng bán của các công ty thành viên được viết trên Bản báo cáo kết quả kinh doanh của các công ty thành viên. Lấy tiếp ví dụ doanh thu bán hàng của hoá đơn 0086461 tại công ty cổ phần HAPACO Hải Âu.

Ngày 16 tháng 9 năm 2009 công ty bán hàng theo phương thức trực tiếp cho công ty TNHH Mai Linh 22.000 cuộn giấy HAPACO trắng với giá 1430 đồng/cuộn khăn thơm 520 túi khăn thơm với giá 6364 đồng/ túi và 4000 cuộn giấy HAPACO 12 cuộn/ túi với giá 1240 đồng/ cuộn. Công ty tiến hành chiết khấu cho doanh nghiệp 5% trên tổng trị giá thanh toán.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT 008641 ở VD phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh ngày 16/09/2009 , phiếu xuất kho...

Kế toán lập bảng tổng hợp sản lượng tiêu thụ và doanh thu. Đồng thời vào phần mềm kế toán kiểm tra sổ chi tiết vật liệu, thành phẩm hàng hoá theo từng loại, sổ cái 632, 156...

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải Phòng

Mẫu số: S10 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ HÀNG HÓA

Tháng 09 năm 2009

Tài khoản 156 Tên Kho XN1

Hàng hóa: giấy hapaco trắng

Đơn vị: cuộn

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8
		Số dư đầu kỳ							150.457	202.990.775	
...	
086460	16/09	Cty Vĩnh Hà	632	1411,18			4.020	5.672.944	561.234	792.002.196	
086461	16/09	Cty TNHH Mai Linh	632	1411,18			22.000	31.045.960	557.214	786.329.525	
...	
		Cộng tháng	1.646.700	15.911.622.280			

Sổ này có.... Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
Giám đốc
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải Phòng

Mẫu số: S10 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

BẢNG TỔNG HỢP SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ VÀ DOANH THU

Quý 3 năm 2009

ĐVT : đồng

Stt	Tên khách hàng	Tên sản phẩm						Doanh thu tiêu thụ				
		Hpct	12c	Kt	rt	gl	...	511	333	111	112	521
...
3	ACB bank	120		10	40			542.000	54.200	606.200		
4	Cty TNHH Vĩnh Hà	41.000	576	120				69.031.840	1.103.502	11.035.024		
5	Đại lý- HN	21.500	700	2400	70	1000		59.500.000	5.657.250		62.229.750	2.977.500
6	Cty TNHH Mai Linh	22.000	4000	520				39.729.462	3.374.298	41.517.286		1.986.474
										
	Cộng							28.837.600.029	1.448.721.320	21.041.380.500	13.584.572.000	257.498.100

Sổ này có.... Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải
Phòng

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của
Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số: 161

Đơn vị tính: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
.....
Xuất hàng bán cho Vĩnh Hà	632	156	5.672.944	
Xuất hàng bán cho Mai Linh	632	156	31.045.960	
.....
Cộng			19.767.437.259	

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CÁI

Tài khoản: 632 – giá vốn hàng bán

Quý 3/2009

ĐVT: đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			

161	30/09	Giá vốn hàng bán cho công ty Mai linh	156		31.045.960
172	30/09	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	19.427.230.890	
	
		Cộng phát sinh		19.427.230.890	19.427.230.890
		Cộng lũy kế phát sinh quý			
		Số dư cuối quý			

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu từ TK 511 sang bên Có TK 911(biểu 01), đồng thời kết chuyển giá vốn hàng bán từ TK 632 sang bên Nợ TK 911(biểu 02) để xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó, kế toán tổng hợp căn cứ số liệu tổng hợp trên các CTGS do kế toán hàng hoá cung cấp để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái TK 632

TK 911. Sau đó kế toán trưởng của công ty cổ phần HAPACO Hải Âu lập báo kết quả hoạt động kinh doanh theo tháng của công ty (phụ lục 9) và nộp báo cáo đó về tổng công ty. Kế toán trưởng xem xét dựa trên báo cáo của công ty thành viên để lập báo cáo các kết quả kinh doanh hợp nhất

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Biểu 01

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu

Mẫu số: S02a - DN

441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của
Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số: 166

Đơn vị tính: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Kết chuyển doanh thu bán hàng và ccdv	511	911	22.837.600.029	
Cộng			22.837.600.029	

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Biểu 02

Công ty cổ phần HAPACO Hải Âu
441 A – Tôn Đức Thắng – An Dương - Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của
Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số: 167

Đơn vị tính: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Kết chuyển doanh thu bán hàng và ccdv	911	632	19.427.230.890	
Cộng			19.427.230.890	

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của công ty.

Kế toán sử dụng tài khoản 641 – chi phí bán hàng để tập hợp chi phí bán hàng. Để tập hợp từng yếu tố chi phí, kế toán tiến hành mở các tài khoản cấp 2 của TK 641 :

- Tk 6411 : chi phí nhân viên bán hàng
- TK 6417 : chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 : chi phí bằng tiền khác.

Trong quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành, kế toán sẽ tiến hành tập hợp luôn chi phí bán hàng phát sinh trong tháng. Sau khi kế toán nhập các chứng từ liên quan như: chứng từ tiền lương, phiếu chi, giấy báo có của ngân hàng...Máy tự động xử lý số liệu để đưa vào chứng từ ghi sổ và vào sổ kế toán tài khoản 641.

VD Ngày 22/09/2009 công ty mua máy in Laser và mực cho máy in màu, căn cứ vào hoá đơn GTGT do bên bán lập, kế toán lập phiếu chi 227 với nội dung

Nợ TK 641	4.726.150
-----------	-----------

Có TK 1111	4.726.150
------------	-----------

Kế toán vào số liệu trên máy. Máy tính sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ cái 641, sổ cái các tài khoản khác có liên quan 111,133... và sổ chi tiết tài khoản

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

HÓA ĐƠN (GTGT)		Mẫu số: 01 GTKT – 3LI										
Liên 2(lgiao khách hàng)		PT/2009B										
Ngày 22 tháng 09 năm 2009		0086461										
Đơn vị bán hàng: <i>Công ty TNHH Trần Ly</i>												
Địa chỉ: <i>242 – Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng</i>												
Số tài khoản:.....		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> </tr> </table>	0	4	6	7	1	2	4	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>	4	
0	4	6	7	1	2	4						
4												
Điện thoại:.....		MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> </tr> </table>	0	2							
0	2											
Họ tên người mua hàng: <i>Trần Thị Hằng</i>												
Tên đơn vị: <i>Công ty CP Tập đoàn HAPACO</i>												
Địa chỉ: <i>Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê hồng Phong – Hải Phòng</i>												
Số tài khoản:.....		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>								<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>		
Hình thức thanh toán: TM		MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>									
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền							
A	B	C	1	2	3=1*2							
1	Máy in Canon (laze)	Chiếc	1	4.204.500	4.204.500							
2	Mực	túi	1	92.000	92.000							
Cộng tiền hàng: 4.296.500												
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 429.650								
Tổng cộng tiền thanh toán: 4.726.150												
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm năm mươi đồng./</i>												
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>								

**Đơn vị: Công ty CP Tập Đoàn
HAPACO**

Mẫu số 02 – TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 22 tháng 09 năm 2009

Số:227
Nợ TK 641
Có TK 111

Họ tên người nhận tiền: *Bùi Thu Phương*

Địa chỉ:

Lý do chi: *Thanh toán tiền mua máy in và đồ mực cho công ty
Trần Ly*

Số tiền: *4.726.150. đồng.*

Viết bằng chữ: : *Bốn triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm
năm mươi đồng./*

Kèm theo : *01 chứng từ gốc*

Đã nhận đủ số tiền : *Bốn triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm năm
mươi đồng./*

Ngày 22 tháng 09 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị <i>(ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(ký, họ tên)</i>
---	--	---	--------------------------------	--

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê hồng Phong –
Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số: 132

Đơn vị tính: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Chi tiền mặt phục vụ bán hàng	641	1111	686.532.865	
Phải trả công nhân viên	641	3347	113.496.000	
Phải trả phải nộp khác	641	338	15.146.220	
Chi tiền mua máy in đồ mực	641	1111	4.200.000	
.....	
Cộng			2.362.064.877	

Kèm theo ...chứng từ gốc

Người lập
(ký, họ tên)

ngày 30 tháng 09 năm 2009

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê hồng
Phong – Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CÁI

Tài khoản: 641 – chi phí bán hàng

Quý 3/2009

ĐVT: đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
126	26/09	Chi TGNH trả tiền v/c hàng đi HCM	112	12.457.800	
		
132	30/9	Chi Tiền mua máy đồ mực	1111	4.200.000	
	
164	30/09	Phải trả công nhân viên bh	3347	106.532.865	
165	30/09	Phải trả phải nộp khác	338	13.9360.650	
166	30/09	Kết chuyển chi phí bán hàng			2.362.064.877
		Cộng phát sinh		2.362.064.877	2.362.064.877
		Cộng lũy kế phát sinh			
		Số dư cuối quý			

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.3.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí cho việc quản lý kinh doanh quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động chung của nội dung chi phí doanh nghiệp ở công ty cổ phần tập đoàn HAPACO bao gồm : chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ, thuế, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền

Kế toán sử dụng tài khoản 642 để tập hợp và kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp. Tài khoản này được mở chi tiết đến cấp 2 để theo dõi :

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 - Chi phí dự phòng
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

Khi các chi phí phát sinh, tùy theo nội dung chi phí, nếu là chi phí tiền lương, bảo hiểm xã hội của bộ phận quản lý thì chứng từ gốc sẽ là bảng chấm công, bảng thanh toán lương và bảo hiểm xã hội; nếu là chi phí khấu hao TSCĐ ở văn phòng thì các chứng từ gốc là bảng tính và phân bổ khấu hao; nếu là chi phí khấu hao TSCĐ ở văn phòng thì chứng từ gốc là các hoá đơn bán hàng do người bán lập..., khi đã có được các chứng từ gốc kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy. Máy tự động xử lý số liệu để đưa vào chứng từ ghi sổ và kết chuyển vào sổ kế toán tài khoản 642.

VD : Ngày 15/09/2009 trên cơ sở giấy đề nghị thanh toán đã được Tổng giám đốc duyệt chi kèm theo hoá đơn làm visa , kế toán lập phiếu chi 201 tạm ứng tiền là visa Đài Loan và hạch toán như sau

Nợ TK 642 24.257.100

 Có TK 1111 24.257.100

Kế toán đưa số liệu vào máy, máy tính sẽ tự động chuyển các số liệu vào các sổ

- Sổ chi tiết tài khoản
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái 642
- Các sổ cái liên quan khác như 1111

**Đơn vị: Công ty CP Tập Đoàn
HAPACO**

Mẫu số 02 – TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 09 năm 2009

Số:202
Nợ TK 642
Có TK 111

Họ tên người nhận tiền: *Nguyễn Thế Anh*

Địa chỉ: *Phòng hành chính*

Lý do chi: *Thanh toán tiền làm visa đi Đài Loan*

Số tiền: *24.257.100. đồng.*

Viết bằng chữ: *Hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn một
trăm đồng chẵn./*

Kèm theo : *02 chứng từ gốc*

Đã nhận đủ số tiền : *Hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn
một trăm đồng chẵn./*

Ngày 15 tháng 09 năm 2009

Thủ trưởng
đơn vị
(ký, họ tên)

Kế toán
trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
phiếu
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Người nhận tiền
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê Hồng Phong –
Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số: 137

Đơn vị tính: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Tạm ứng tiền Làm visa đi Đài Loan	642	141	24.257.100	
Khấu hao TSCĐ hữu hình	642	21411	1.256.522.936	
.....	
Phải thu khác	642	1388	24.925.272	
Chi tiền lương	642	334	970.006.600	
Chi tiếp khách	642	111	48.734.100	
.....	
Cộng			7.347.779.259	

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê Hồng
Phong – Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp

Quý 3/2009

ĐVT: đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
Số	NT				
		Số dư đầu quý			
137	30/09	Tạm ứng tiền Làm visa đi Đài Loan	141	24.257.100	
138	30/09	Chi tiếp khách	111	48.734.100	
140	30/09	Tiền mặt	111	1.864.445.919	
144	30/09	Tiền USD-NH EXIMBANK-CNHP	1229	6.212.609	
		
161	30/09	Khấu hao TSCĐ hữu hình	21411	1.256.522.936	
162	30/09	Chi lương công nhân viên QL		170.006.600	
163	30/09	Phải trả, phải nộp khác		10.200.389	
	
170	30/09	Kết chuyển chi phí QLDN			7.347.779.259
		Cộng phát sinh		7.347.779.259	7.347.779.259
		Cộng lũy kế phát sinh quý			
		Số dư cuối quý			

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

2.2.4.1. Kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

* Doanh thu hoạt động tài chính gồm :

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;

- Cổ tức lợi nhuận được chia;

- Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn, dài hạn;

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Lãi tỷ giá hối đoái;

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

* Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi hạch toán vào tài khoản 515 cần phải thoả mãn hai điều kiện sau :

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính đối với cổ tức và lãi cơ bản từ cổ phiếu

Mặc dù là một Tập đoàn nhưng doanh thu tài chính của công ty chỉ phát sinh từ lãi tỷ giá hối đoái từ việc xuất khẩu hàng ra nước ngoài như : Đài Loan, Belaurut..., hưởng chênh lệch bán ngoại tệ, và chứng khoán

* Tài khoản sử dụng

Kế toán doanh thu từ hoạt động tài chính sử dụng TK 515 “doanh thu hoạt động tài chính”

Kết cấu của TK này như sau :

TK 515

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.	- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”	

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Trong quý 3 năm 2009 , doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty là **958.365.957** đồng;

Trong đó :

+ Thu lãi tiền gửi ngân hàng (VNĐ,USD)	: 77.754.188 đồng
+ Chênh lệch tỷ giá	: 198.053.126 đồng
+ Doanh thu hoạt động tài chính khác	: 682.558.643 đồng

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê Hồng Phong –
Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số: 137

Đơn vị tính: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Lãi tiền gửi ngân hàng TMCP quân đội HP	11217	515	1.404.527	
Lãi gửi tiền USD từ ngân hàng NN&PTNT HP	112212	515	7.754.188	
.....	
Chênh lệch tỉ giá	431	515	48.053.126	
.....	
Cộng			958.365.957	

Kèm theo ...chứng từ gốc

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê Hồng
Phong – Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CÁI

Tài khoản: 515 - doanh thu tài chính

Quý 3/2009

ĐVT:đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
		Lãi tiền gửi ngân hàng TMCP quân đội HP	11217		1.404.527
		Lãi gửi tiền USD từ ngân hàng NN&PTNT HP	112212		7.754.188
	
		Chênh lệch tỉ giá	431		48.053.126
	
		Xác định kết quả hoạt động tài chính	911	958.365.957	
		Cộng phát sinh		958.365.957	958.365.957
		Cộng lũy kế quý			
		Số dư cuối quý			

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán..., khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

Công ty sử dụng tài khoản 635 - Chi phí hoạt động tài chính

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 635:**

Bên nợ:

- Các khoản chi phí của hoạt động tài chính
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn
- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản phải thu dài hạn và phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ sang tài khoản 911

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Thu nhập khác (chi phí khác) phản ánh các khoản thu nhập khác (chi phí khác) ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của công ty.

Để hạch toán thu nhập khác của doanh nghiệp kế toán dùng tài khoản 711 Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động doanh thu của doanh nghiệp. Loại tài khoản này chỉ dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác trong kỳ. Cuối kỳ toàn bộ thu nhập được kết chuyển sang tài khoản 911” Xác định kết quả kinh doanh “ và không có số dư.

Để hạch toán chi phí khác của doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 811. tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động SXKD tạo ra các doanh thu của doanh nghiệp

Trong quý 3 năm 2009 công ty không phát sinh các nghiệp vụ thanh lý tài sản hay góp vốn liên doanh,....

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê hồng
Phong – Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CÁI

Tài khoản: 711 – thu nhập khác

Quý 3/2009

ĐVT:đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
	30/09	Phải thu của khách hàng	131		120.346.200
	30/09	Phải thu khác	1388		50.000.000
...
	30/09	Tài sản thừa chờ giải quyết	3381		246.854.241
				
	30/09	Kết chuyển thu nhập khác			192.287.282
		Cộng phát sinh		192.287.282	192.287.282
		Cộng lũy kế quý			
		Số dư cuối quý			

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê hồng
Phong – Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CÁI

Tài khoản: 811 – chi phí khác

Quý 3/2009

ĐVT:đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
	30/09	Chi phí trả trước dài hạn	242	315.282.816	
	30/09	Phương tiện vận tải truyền dẫn	2114	311.383.586	
				
	30/09	Khấu hao TSCĐ hữu hình	21411	250.839.277	
				
	30/09	Kết chuyển chi phí khác			1.927.277.911
		Cộng phát sinh		1.927.277.911	1.927.277.911
		Cộng lũy kế quý			
		Số dư cuối quý			

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.3. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Kết quả kinh doanh của công ty bao gồm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Việc thực hiện xác định kết quả kinh doanh ở Công ty Cổ phần Tập Đoàn HAPACO được thực hiện vào cuối mỗi kỳ kế toán (cuối mỗi quý).

* Tài khoản sử dụng : Kế toán sử dụng TK

TK911- Xác định kết quả kinh doanh

TK421 - Lợi nhuận chưa phân phối

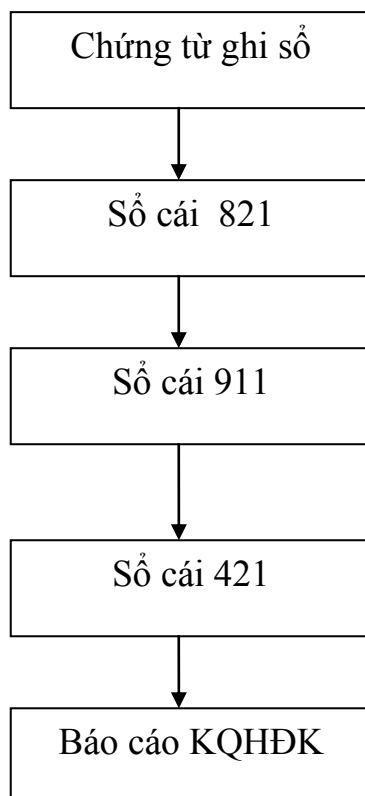
TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Trong đó TK cấp 2 của TK 911: • TK 9111 : Kết quả hoạt động kinh doanh

• TK 9112 : Kết quả hoạt động tự sản xuất

• TK 9113 : Kết quả hoạt động khác

Trình tự vào sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh



Tài khoản 911 được theo dõi trên Sổ cái, được kế toán trưởng tính toán, kết chuyển, xác định kết quả kinh doanh vào cuối tháng dựa trên các chứng từ ghi sổ có liên quan.

Trị giá vốn của hàng xuất bán trong tháng, doanh thu thuần, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển tự động. Máy sẽ tính toán và tự động kết chuyển vào 911

Kế toán tổng hợp căn cứ vào số liệu do kế toán bán hàng và kế toán tập hợp chi phí chuyển sang để kết chuyển Doanh thu thuần, Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác, thu nhập khác vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh theo các bút toán

Sau đó, xác định kết quả kinh doanh theo công thức sau:

Kết quả kinh doanh = DTThuần - Gvốn hàng bán - CPBH - CP QLDN.

Kết quả hoạt động tài chính = doanh thu tài chính – chi phí tài chính

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

$$\begin{aligned} \text{KQKD} &= 63.191.617.825 - 48.029.303.728 - 2.362.064.877 - 7.347.779.259 \\ &= 5.452.469.964 \end{aligned}$$

$$\text{KQHDTTC} = 958.365.597 - (- 7.990.323.481) = 8.948.689.078$$

$$\text{KQHĐK} = 192.287.282 - 1.927.277.911 = - 1.784.990.629$$

$$\begin{aligned} \text{KQHĐKD} &= 5.452.469.964 + 8.948.689.078 + (- 1.784.990.629) \\ &= 12.666.168.410 \end{aligned}$$

* Quy trình hạch toán :

1. Cuối kỳ kế toán, thực hiện việc kết chuyển số doanh thu bán hàng thuần

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

2. Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ,

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

3. Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác, ghi:

Nợ TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 711 - Thu nhập khác

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

4. Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 811 - Chi phí khác.

5. Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 8211 - Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

6. Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ và số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại”:

+ Nếu TK 8212 có số phát sinh bên Nợ lớn hơn số phát sinh bên Có thì số chênh lệch, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 8212 - Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

+ Nếu số phát sinh Nợ TK 8212 nhỏ hơn số phát sinh Có TK 8212, kế toán kết chuyển số chênh lệch, ghi:

Nợ TK 8212 - Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

7. Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 641 - Chi phí bán hàng.

8. Cuối kỳ kế toán, kết chuyển chi phí QLDN phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

9. Tính và kết chuyển số lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

10. Kết chuyển số lỗ hoạt động kinh doanh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Đối với các đơn vị kế toán có lập báo cáo tài chính giữa niên độ (cuối quý) thì các bút toán (từ 1 đến 10) được ghi chép cho kỳ kế toán quý.

Dựa trên các chứng từ sổ cái của Tổng công ty và báo cáo kết quả kinh doanh của các công ty thành viên kế toán sẽ tiến hành tính toán, kiểm tra và hợp nhất thành báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn HAPACO (Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn HAPACO xem ở phụ lục 10)

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê hồng Phong – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 09 NĂM 2009

Ghi có tài khoản 911

ĐVT : đồng

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi các tài khoản nợ		
				511	515	711
30/09		K/c doanh thu bán hàng	65.128.818.286	65.128.818.286		
30/09		K/c doanh thu tài chính	958.365.579		958.365.579	
30/09		K/c thu nhập khác	192.287.282			192.287.282
		công	66.209.471.147	65.128.818.286	958.365.579	192.287.282

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
Tổng giám đốc
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê hồng Phong – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 09 NĂM 2009

Ghi có tài khoản 911

ĐVT : đồng

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi nợ các tài khoản							
				632	641	642	635	811	821	421	
30/09		k/c giá vốn bán hàng	48.029.303.728	48.029.303.728							
30/09		K/c chi phí tài chính	(7.990.323.481)				(7.990.323.481)				
30/09		K/c chi phí bán hàng	2.362.064.877		2.362.064.877						
30/09		K/c chi phí QLDN	7.347.779.259			7.347.779.259					
30/09		K/c chi phí khác	1.927.277.911					1.927.277.911			
30/09		K/c cp thuế TNDN hiện hành	1.741.255.505						1.741.255.505		
30/09		K/c lợi nhuận sau thuế	10.924.912.905								10.924.912.905

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...
Tổng giám đốc
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê hồng Phong –
Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số: 168

Đơn vị tính: Đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Kết chuyển doanh thu	511	911	63.191.617.825	
Kết chuyển doanh thu tài chính	811	911	958.365.579	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	192.287.282	
.....	
Cộng			64.342.270.704	

Kèm theo ...chứng từ gốc

ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê hồng Phong –
Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DN
Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ tài chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số: 179

ĐVT : đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
k/c giá vốn bán hàng	911	632	48.029.303.728	
K/c chi phí tài chính	911	641	(7.990.323.481)	
K/c chi phí bán hàng	911	642	2.362.064.877	
K/c chi phí QLDN	911	635	7.347.779.259	
K/c chi phí khác	911	811	1.927.277.911	
K/c cp thuế TNDN hiện hành	911	821	1.741.255.505	
K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	10.924.912.905	
Cộng			64.342.270.704	

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty CP tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê Hồng
Phong – Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài
chính

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 – xác định kết quả kinh doanh

Quý 3/2009

ĐVT: đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
168	30/09	K/c doanh thu bán hàng	511		65.128.818.286
168	30/09	K/c doanh thu tài chính	515		958.365.579
168	30/09	K/c thu nhập khác	711		192.287.282
179	30/09	K/c giá vốn bán hàng	632	48.029.303.728	
179	30/09	K/c chi phí tài chính	641	(7.990.323.481)	
179	30/09	K/c chi phí bán hàng	642	2.362.064.877	
179	30/09	K/c chi phí QLDN	635	7.347.779.259	
179	30/09	K/c chi phí khác	811	1.927.277.911	
179	30/09	K/c cp thuế TNDN hiện hành	821	1.741.255.505	
179	30/09	K/c lợi nhuận sau thuế	421	10.924.912.905	
		Cộng phát sinh		64.342.270.704	64.342.270.704
		Cộng lũy kế quý			
		Số dư cuối quý			

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê Hồng
Phong – Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CÁI

Tài khoản: 821 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Quý 3/2009

DVT: đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
	
	30/09	Chi phí thuế TNDN quý 3	3334	1.741.255.505	
	30/09	Kết chuyển chi phí khác			1.741.255.505
		Cộng phát sinh		1.741.255.505	1.741.255.505
		Cộng lũy kế quý			
		Số dư cuối quý			

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần
Tập đoàn HAPACO

Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 toà nhà Khánh Hội – Lê Hồng
Phong – Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DN
Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

SỔ CÁI

Tài khoản: 421 – Lãi chưa phân phối

Quý 3/2009

ĐVT:đồng

Chứng từ ghi sổ		Trích yếu	TK đối ứng	Số tiền	
Số	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
				
	30/09	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	10.924.912,905	
				
		Tổng phát sinh		10.924.912,905	10.924.912,905
		Cộng lũy kế quý			
		Số dư cuối quý			

Ngày ... tháng năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Chương III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

3.1. QUAN ĐIỂM ĐỊNH HƯỚNG VÀ YÊU CẦU HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

3.1.1. Quan điểm định hướng

Kinh tế luôn phát triển, cơ chế quản lý luôn được hoàn thiện để quản lý hiệu quả nền kinh tế. Kế toán là công cụ quan trọng trong hệ thống quản lý hiệu quả nền kinh tế nên phải được hoàn thiện liên tục. Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một phần của kế toán trong doanh nghiệp. Nên nó cũng cần phải được hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu thông tin cho quản lý doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và phát triển bền vững

Có thể nói kế toán là công cụ quan trọng trong hệ thống quản lý kinh tế tài chính : là phân hệ thông tin quan trọng cấu thành nên hệ thống thông tin kinh tế tài chính của đơn vị, phục vụ cho quản lý, điều hành, kiểm soát thông tin kinh tế tài chính đáng tin cậy. Vì vậy, hoàn thiện kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu – kết quả kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin cho quản lý doanh thu – kết quả kinh doanh đảm bảo cho công ty hoạt động có hiệu quả.

Cùng với sự phát triển của đất nước trong nền kinh tế thị trường, công ty CP tập đoàn HAPACO trong những năm qua đã trưởng thành không ngừng lớn mạnh. Sự phát triển đó không những không thể hiện qua cơ sở vật chất kỹ thuật mà trình độ quản lý kinh tế cũng được nâng cao.

Với những định hướng đúng đắn công ty đã nhanh chóng hòa nhập với nhịp sống của nền kinh tế thị trường và đã phát huy những ưu điểm của nó. Vì thế để mặt hàng tiêu thụ nhanh chóng công ty luôn có phương án nghiên cứu thăm dò, tìm

kiểm thị trường đưa ra những mặt hàng mới có mẫu mã phù hợp, đẹp, thiết thực chất lượng cao, đa dạng, phong phú phục vụ nhu cầu ở thị trường .

Việc hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Tập Đoàn HAPACO phải tôn trọng những nguyên tắc nhất định sau:

Thứ nhất, do yêu cầu của sự phát triển kinh tế cần thiết phải có những thông tin tài chính chính xác hiệu quả, đáng tin cậy. Các thông tin kế toán mang tính định lượng và các thông tin này rất quan trọng đối với những đối tượng sử dụng thông tin. Thông tin kế toán cung cấp không chỉ quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp mà còn rất quan trọng đối với nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ, từ đó nghiên cứu bổ xung chính sách chế độ cho phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp và điều kiện thực tế của đất nước. Yêu cầu này nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước một cách thống nhất, cung cấp thông tin kinh tế tài chính trung thực, hợp lý cho các đối tượng sử dụng thông tin.

Thứ hai, mỗi doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Các công ty cần đưa ra những quyết định đáng cao doanh thu, giảm chi phí và không ngừng nâng cao lợi nhuận. Để làm được điều đó thì thông tin về kinh tế, tài chính là rất quan trọng cho bản thân các nhà lãnh đạo doanh nghiệp. Thông tin mà kế toán cung cấp là một trong những loại thông tin cần thiết nhất. Thông tin đó cần phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả để cung cấp tốt nhất cho các nhà quản trị doanh nghiệp, cho các nhà đầu tư,...

Thứ ba, Hoàn thiện kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Tập Đoàn HAPACO đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tính chất quy mô và phạm vi hoạt động của đơn vị. Hoàn thiện phải dựa trên thực trạng hiện tại của doanh nghiệp trong đó có tính đến các yếu tố liên quan như: định hướng phát triển của ngành, đặc điểm, trình độ quản lý của doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức hiện tại, năng lực của cán bộ quản lý cũng như cán bộ kế toán của doanh nghiệp. Hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Tập đoàn HAPACO. Dựa trên những nội dung đã có, xây dựng trên

những nội dung chưa có và hoàn thiện nội dung chưa được, không phá vỡ cơ cấu tổ chức hiện tại.

Thứ bốn, trong bối cảnh hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay đang từng bước trong lộ trình hoàn thiện nhằm phù hợp với sự phát triển của kế toán quốc tế cũng như phải đảm bảo thích hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam. Cụ thể là Việt Nam đã ban hành luật kế toán, và gần đây là hệ thống các chuẩn mực kế toán dựa theo nguyên tắc tuân thủ các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế. Tuy nhiên quá trình đổi mới đang trong giai đoạn đầu nên khó tránh khỏi những bất cập. Hệ thống kế toán Việt Nam đang cần có những sửa đổi bổ xung để hoàn thiện sao cho phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong đó, kế toán về phân hành doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cũng là một phần rất quan trọng cần được hoàn thiện.

Thứ năm, Hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập Đoàn HAPACO phải trên tinh thần triệt để tiết kiệm và có hiệu quả. Điều này có nghĩa là chi phí chi ra phải luôn nhỏ hơn ích lợi thu được do các nội dung hoàn thiện mang lại.

Do đó, hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một nhu cầu tất yếu và cần thiết trong điều kiện của Việt Nam hiện nay nói chung và tại công ty cổ phần tập đoàn HAPACO nói riêng

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện

Ngày nay, kế toán không chỉ đơn thuần là công việc tính toán, ghi chép đơn thuần về vốn và sự vận động của vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị, mà còn là bộ phận chủ yếu của hệ thống thông tin kinh tế, là công cụ thiết yếu để quản lý tài chính trong doanh nghiệp nói chung và nền kinh tế nói riêng. Để có thể thực hiện tốt vai trò của kế toán thì yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, đáp ứng với yêu cầu quản lý vi mô và vĩ mô là vấn đề vô cùng cấp bách.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một phần rất quan trọng của công tác kế toán doanh nghiệp. Từ những thông tin đầy đủ, kịp thời do kế toán cung cấp, ban lãnh đạo Công ty thấy được kết quả thực tế của từng hoạt động kinh doanh, để từ đó phân tích, xác định được mặt mạnh, mặt yếu trong kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản lý, hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

Để phát huy vai trò là một công cụ quản lý, kế toán tài chính trong doanh nghiệp cung cấp thông tin cho việc ra quyết định, việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải đáp ứng những yêu cầu sau :

- Hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty phải tuân thủ luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam nhằm cung cấp thông tin kinh tế tài chính trung thực hợp lý cho các đối tượng sử dụng, đồng thời đảm bảo nguyên tắc được hài hoà.

- Phải phù hợp với đặc điểm tính chất hoạt động, đặc điểm tổ chức quản lý, quy mô phạm vi sản xuất kinh doanh, yêu cầu và phân cấp quản lý của doanh nghiệp, trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán cũng như tình trạng trang bị các phương tiện kỹ thuật, tính toán ghi chép.

- Phải phù hợp với đặc thù về quản lý kinh tế ở Việt Nam, đặc thù của ngành phát triển trong tương lai. Với đặc thù phát triển kinh tế đất nước theo kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên việc quản lý kinh tế của Việt Nam cũng có những đặc thù riêng. Kế toán với tư cách là một công cụ quản lý kinh tế, nên không thể tách rời khỏi các chính sách kinh tế của một quốc gia. Với đặc thù này hệ thống kế toán Việt Nam được xây dựng dựa trên các chính sách kinh tế tài chính hiện hành về doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và các quy định khác

- Phải đảm bảo vận dụng hợp lý các văn bản chế độ, chính sách kế toán hướng dẫn về tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh do nhà nước ban hành

- Hoàn thiện kế toán doanh thu – xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO phải đáp ứng yêu cầu hiệu quả tiết kiệm và mang tính kinh doanh cao. Tính hiệu quả đòi hỏi các giải pháp hoàn thiện của kế toán khi thực hiện phải mang lại sự cải tiến trong công tác kế toán đơn giản, dễ hiểu mang lại chất lượng thông tin cao nhất cho người sử dụng, phục vụ cho thiết thực cho yêu cầu quản lý. Tính khả thi là việc đòi hỏi các giải pháp hoàn thiện phải giải quyết được những vấn đề phát sinh từ thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời phải đảm bảo tính đơn giản dễ hiểu, phản ánh đúng nguyên lý kế toán.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

3.2.1. Nhận xét chung

Trong điều kiện hiện nay, nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển quy mô hoạt động của các doanh nghiệp ngày càng lớn, các mối quan hệ kinh tế ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng phức tạp, yêu cầu hợp tác quốc tế và hội nhập càng cao thì việc thu nhận xử lý và cung cấp thông tin ngày càng khó khăn và phức tạp. Đối với mỗi doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp thương mại nói riêng, mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá chi phí luôn được ưu tiên hàng đầu. Vấn đề đặt ra là hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh như thế nào cho hợp lý, khoa học và hiệu quả đối với công tác quản trị doanh nghiệp, vừa đáp ứng được yêu cầu quản lý vĩ mô của nhà nước, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của ngành giấy

Cùng với sự phát triển của đất nước trong nền kinh tế thị trường, Công ty Cổ phần Tập Đoàn HAPACO trong những năm qua đã ngày một trưởng thành, vượt qua những khó khăn và không ngừng lớn mạnh. Sự phát triển của công ty không chỉ thể hiện qua cơ sở vật chất kỹ thuật trình độ quản lý kinh tế mà quy mô công ty và hình thức kinh doanh của HAPACO cũng ngày một mở rộng và đa dạng

- Về chứng từ và luân chuyển chứng từ:

Công ty đang sử dụng chứng từ ban đầu đúng như mẫu biểu do Bộ tài chính quy định như: phiếu thu, phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, chứng từ đều được ghi đầy đủ chính xác các nghiệp vụ phát sinh theo đúng thời gian, có chữ ký đầy đủ của các bộ phận có liên quan và đúng với chế độ tài chính kế toán quy định, điều này rất quan trọng trong việc kiểm tra đối chiếu giữa số liệu thực tế với số liệu trên sổ kế toán. Giữa các phòng ban, các bộ phận có sự kết hợp chặt chẽ trong việc hoàn chỉnh chứng từ, nhờ đó tạo điều kiện cho việc theo dõi từng bộ phận liên quan được thuận lợi.

Bên cạnh việc kiểm tra chứng từ thường xuyên, kế toán không ngừng hợp lý hoá các thủ tục và xử lý chứng từ như: giảm các thủ tục xét duyệt và chứng từ tới mức tối đa, đồng thời thực hiện chương trình luân chuyển chứng từ theo quy định và phù hợp với yêu cầu của nghiệp vụ kinh doanh. Khi áp dụng luật thuế GTGT, công tác quản lý chứng từ thuế GTGT đầu ra và thuế GTGT đầu vào được chia thành hai mảng rõ ràng thuận tiện cho việc kê khai thuế GTGT và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

- Về tài khoản sử dụng:

Các tài khoản công ty sử dụng phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống tài khoản kế toán công ty áp dụng là hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất và thương mại và quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Cho đến nay việc áp dụng vẫn được triển khai tốt và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, phần nào đáp ứng được yêu cầu của kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết. Có thể nói việc tổ chức hệ thống tài khoản ở công ty là tốt và phù hợp với đặc điểm tình hình của công ty hiện nay, song yêu cầu mở tài khoản chi tiết cho từng loại hàng hoá để phản ánh chính xác doanh thu, chi phí, kết quả của từng loại là rất quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản trị của công ty.

- Về việc tổ chức hệ thống sổ sách và báo cáo kế toán:

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hình thức này khá đơn giản về quy trình hạch toán và công việc kế

toán được phân đều trong tháng thuận tiện cho việc đối chiếu và kiểm tra. Công ty sử dụng máy vi tính trong ghi chép, xử lý số liệu nên đã khắc phục được nhược điểm của hình thức ghi sổ này là giảm được khối lượng ghi chép chung, giảm mức độ nhầm lẫn về con số, đồng thời tiến độ lập báo cáo và cung cấp các chỉ tiêu nhanh, đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Nói chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ở công ty được tổ chức một cách linh hoạt, đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty. Sự phối hợp giữa phòng kế toán, với các phòng ban khác được thực hiện một cách ăn khớp, nhịp nhàng đảm bảo công tác tiêu thụ thông suốt.

3.2.2. Những mặt còn hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đó, trong quá trình kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh vẫn không tránh khỏi những tồn tại, những vấn đề chưa hoàn toàn hợp lý và chưa thật tối ưu:

- Công ty thành viên của Công Ty cổ phần tập đoàn HAPACO chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy là chính cho nên thường xuất hiện các nghiệp vụ bán hàng nội bộ giữa các công ty thành viên. Do mối quan hệ đặc thù trong nội bộ công ty mà còn nhiều trường hợp các chứng từ ban đầu phản ánh các nghiệp vụ phát sinh chưa làm đúng thủ tục quy định

- Kế toán không chỉ có nhiệm vụ thu thập, phân loại xử lý, tổng hợp số liệu thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mà có nhiệm vụ phân tích thông tin kế toán như vậy thông tin kế toán mới thực sự phát huy được vai trò là công cụ quản lý quan trọng. Ở công ty Công Ty cổ phần tập đoàn HAPACO việc phân tích thông tin kế toán nói chung và thông tin về doanh thu còn hạn chế. Mà những thông tin về doanh thu trong doanh nghiệp là yếu tố rất quan trọng rất cần được phân tích, bởi vì chỉ có thông qua kết quả phân tích các thông tin kế toán, các nhà quản lý mới xác định được nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố để từ đó đề ra các biện pháp khắc phục những mặt tồn tại, phát huy những mặt mạnh để đạt hiệu quả ngày càng cao.

3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Thứ nhất Hệ thống chứng từ sử dụng trong các doanh nghiệp là cơ sở đầu tiên để nhận biết và kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực sự hoàn thành trong các doanh nghiệp. Chứng từ chính là cơ sở cho việc nhập số liệu vào máy tính và ghi sổ kế toán. Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO cũng như các công ty thành viên đều sử dụng hệ thống chứng từ theo chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất và thương mại và quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Hệ thống chứng từ cũng bao gồm 2 loại : chứng từ kế toán bắt buộc và chứng từ kế toán có tính hướng dẫn.

Việc lập chứng từ ban đầu là rất quan trọng, liên quan đến việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh sau này. Vì vậy phòng kế toán tài chính nên có những biện pháp quản lý và kiểm tra chặt chẽ ghi chép những chứng từ ban đầu theo đúng quy định và đầy đủ nội dung để tạo điều kiện thuận lợi trong các bước hạch toán tiếp theo. Các chứng từ ban đầu phải kiểm tra sát sao về nội dung, tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ. Mặt khác, chứng từ phải được lưu trữ 1 cách cẩn thận và khoa học, để thuận lợi cho việc đối chiếu các số liệu sau này khi có sai sót xảy ra.

Về cơ bản, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại tổng công ty được phản ánh vào các chứng từ liên quan 1 cách trung thực kịp thời và đầy đủ. Tuy nhiên do mối quan hệ đặc thù trong nội bộ công ty mà còn nhiều trường hợp các chứng từ ban đầu phản ánh các nghiệp vụ phát sinh chưa làm đúng thủ tục quy định.

Thứ hai, Theo quy trình hệ thống chứng từ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ ngoài “chứng từ ghi sổ” ra còn phải có “sổ đăng ký chứng từ ghi sổ” để đối chiếu số liệu với chứng từ ghi sổ và phù hợp với chế độ về hệ thống chứng từ theo đúng hình thức. Nhưng tại Công ty CP Tập đoàn HAPACO lại thiếu “Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ” . Công ty cần phải bổ xung chứng từ “Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ” để hoàn thiện về hệ thống chứng từ

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Mẫu số S02a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
Cộng tháng		

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

Ngày mở sổ...

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký họ tên)

Thứ ba Do công ty sử dụng máy tính làm phương tiện để đi làm công tác kế toán nên có thể xảy ra sự cố về máy tính do đó công ty cần có những biện pháp ngăn chặn như

+ Yêu cầu nhân viên kế toán thực hiện dung quy định về sử dụng máy tính trong công ty. Tránh cập nhật những nguồn dữ liệu bên ngoài không cần thiết với công việc máy tính như qua cổng USB hoặc đĩa mềm... để tránh virus xâm nhập máy

+ công ty cần đào tạo một đội ngũ giỏi về kỹ thuật điện tử để khi có sự cố xảy ra thì có thể xử lý kịp thời và tránh bị lộ thông tin ra bên ngoài

Thứ bốn, Việc tổ chức doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán không chỉ có nhiệm vụ thu thập, phân loại xử lý, tổng hợp số liệu thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mà có nhiệm vụ phân tích thông tin kế toán như vậy thông tin kế toán mới thực sự phát huy được vai trò là công cụ quản lý quan trọng. Ở Công ty Cổ Phần Tập đoàn HAPACO việc phân tích thông tin kế toán nói chung và thông tin về doanh thu, kết quả kinh doanh còn hạn chế. Mà những thông tin về doanh thu doanh thu, kết quả kinh doanh rất cần được phân tích, bởi vì chỉ có thông qua kết quả phân tích các thông tin kế toán, các nhà quản lý mới xác định được nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố để từ đó đề ra biện pháp khắc phục những mặt tồn tại, phát huy những mặt mạnh để đạt được hiệu quả ngày càng cao.

Kết luận

Như vậy, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Điều đó đòi hỏi bộ máy quản lý Công ty phải có kiến thức tổng hợp và chuyên sâu về lĩnh vực kinh doanh để nắm bắt thị trường, từ đó đưa ra được những chiến lược cụ thể, phù hợp. Trong chiến lược đó thì kế toán có một vai trò không nhỏ trong việc cung cấp thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo, để ban lãnh đạo nắm bắt tình hình sát sao, nhanh chóng đưa ra quyết định của mình, nắm bắt cơ hội kinh doanh. Vì vậy, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần phải được củng cố ngày càng hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực trong việc quản lý tài chính cũng như trong vạch định chiến lược của ban lãnh đạo Công ty.

Nhận thức được điều đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đang có những quan tâm tới khâu quản lý kinh doanh và công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng với hy vọng sẽ đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng cao.

Qua thực tế nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tôi thấy rằng công tác kế toán đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra nêu trên.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận văn đã hoàn thành cơ bản những vấn đề sau:

1. Đã trình bày làm rõ những vấn đề lý luận chung về kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

2. Đã trình bày khái quát và đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO. Trên cơ sở đó luận văn đã chỉ rõ những ưu nhược điểm của công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3. Đã trình bày sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu xác định kết quả kinh doanh tại công ty, từ đó đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.

Với kiến thức đã được học và qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO cùng sự hướng dẫn tận tình của TS. Văn Bá Thanh giúp em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp với đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO” Do trình độ và thời gian có hạn nên chuyên đề của em không khỏi tránh được những thiếu sót. Em mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, để bài viết của em hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo - TS. Văn Bá Thanh cùng toàn thể các thầy cô trong trường và các cán bộ công nhân viên trong Công ty đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề này.

Hải Phòng, Ngày 30 tháng 06 năm 2009

Sinh viên

Bùi Thị Minh Ngọc